

# TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CTCP

## TÀI LIỆU PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2012

### MỤC LỤC

<b>DỰ KIẾN CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ .....</b>	<b>2</b>
<b>Phần 1 – NỘI QUY CUỘC HỌP VÀ THỂ LỆ BIỂU QUYẾT, KIỂM PHIẾU .....</b>	<b>3</b>
<b>Phần 2 - BÁO CÁO TÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2011 VÀ CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2012 .....</b>	<b>5</b>
A. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2011.....	5
B. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2012.....	12
<b>Phần 3 - BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....</b>	<b>17</b>
<b>Phần 4 - BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011.....</b>	<b>21</b>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN.....	21
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN .....	29
<b>Phần 5 - TỜ TRÌNH VỀ PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN .....</b>	<b>37</b>
<b>Phần 6 - BÁO CÁO LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2011 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2012.....</b>	<b>39</b>
<b>Phần 7- BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ TỜ TRÌNH VỀ VIỆC LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN .....</b>	<b>40</b>
<b>Phần 8 - TỜ TRÌNH VỀ CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ VÀO DỰ ÁN NHÀ MÁY ĐẠM CÀ MAU .....</b>	<b>43</b>
<b>Phần 9 - TỜ TRÌNH THÔNG QUA GIAO DỊCH HỢP ĐỒNG VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN .....</b>	<b>48</b>

**DỰ KIẾN CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ**  
**PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2012**

**Ngày 27/04/2012**

<b>Thời gian</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Thời lượng dự kiến</b>
<b>13h00 – 13h30</b>	Đón tiếp đại biểu và quý cổ đông	30 phút
<b>13h30 – 13h40</b>	Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	10 phút
<b>13h40 – 13h43</b>	Báo cáo của Ban kiểm tra tư cách cổ đông	3 phút
<b>13h43 – 13h50</b>	Thông báo nội quy cuộc họp Giới thiệu Đoàn chủ tịch, Thư ký cuộc họp	7 phút
<b>13h50 – 14h02</b>	Chào mừng quý cổ đông và khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Thông qua <b>Chương trình nghị sự</b> của cuộc họp, thông qua thành phần <b>Ban kiểm phiếu</b> .	12 phút
<b>14h02 – 14h25</b>	Báo cáo về tình hình kinh doanh năm 2011 và các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2012	23 phút
<b>14h25 – 14h35</b>	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị 2011	10 phút
<b>14h35 – 14h50</b>	Báo cáo tài chính năm 2011 và Phương án phân phối lợi nhuận	15 phút
<b>14h50 – 14h55</b>	Báo cáo thù lao, lương, thưởng 2011 của HĐQT, BKS, trình Dự toán 2012	5 phút
<b>14h55 – 15h10</b>	Báo cáo hoạt động của BKS năm 2011 và đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2012	15 phút
<b>15h10 – 15h30</b>	Trình thông qua chủ trương đầu tư vào dự án Nhà máy đạm Cà Mau	20 phút
<b>15h30 – 15h40</b>	Trình thông qua giao dịch hợp đồng mua khí nguyên liệu với PV Gas	10 phút
<b>15h40 – 15h45</b>	Ban kiểm phiếu hướng dẫn thể lệ biểu quyết	5 phút
<b>15h45 – 16h00</b>	<b>Giải lao</b>	15 phút
<b>16h00 – 16h50</b>	<b>Đại hội thảo luận, phát biểu ý kiến</b>	<b>50 phút</b>
<b>16h50 – 17h15</b>	Hoàn tất thu phiếu biểu quyết, Tổng hợp phiếu biểu quyết thông qua các nội dung, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu	25 phút
<b>17h15 – 17h30</b>	<b>Thông qua Biên bản, nghị quyết đại hội và bế mạc</b>	15 phút

## **Phần 1 – NỘI QUY CUỘC HỌP VÀ THẺ LỆ BIỂU QUYẾT, KIỂM PHIẾU**

Bản Nội quy cuộc họp và Thẻ lệ biểu quyết, kiểm phiếu này tuân thủ quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – công ty cổ phần, được áp dụng tại phiên họp thường niên năm 2012 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty với các mục tiêu đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng, dân chủ và tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành cuộc họp.

### **I. TRẬT TỰ CỦA CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Tất cả các cổ đông đến dự họp ăn mặc nghiêm túc, xuất trình giấy tờ tùy thân, giấy mời họp và giấy tờ khác liên quan đến việc xác minh tư cách cổ đông dự họp tại bàn tiếp đón.
2. Ban tổ chức ưu tiên sắp xếp chỗ ngồi, phát tài liệu, in phiếu biểu quyết cho cổ đông có xác nhận tham dự họp và đến đúng giờ.
3. Cổ đông khi vào phòng họp phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức đại hội quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.
4. Không hút thuốc lá trong phòng họp, không nói chuyện riêng, không nói chuyện điện thoại trong cuộc họp. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không để chuông.

### **II. TRÌNH TỰ DIỄN BIẾN CUỘC HỌP**

Ngay sau khi Ban kiểm tra tư cách cổ đông thông báo kết quả kiểm tra và xác định số lượng cổ đông có mặt thỏa mãn điều kiện để tổ chức cuộc họp, thủ tục khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) được tiến hành ngay.

1. **Giới thiệu nội quy, thành phần Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký.**
2. **Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa Đại hội phát biểu chào mừng quý vị cổ đông đến dự họp.**
3. **Thông qua Chương trình nghị sự, thành phần Ban kiểm phiếu.**  
ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua bằng hình thức giơ tay.
4. **Báo cáo trước Đại hội những nội dung của phiên họp.**

Theo nội dung chương trình nghị sự được thông qua.

5. **Thảo luận về nội dung phiên họp và giải đáp thắc mắc.**

Sau khi Ban lãnh đạo Tổng công ty báo cáo ĐHĐCĐ về các nội dung phiên họp, Đoàn chủ tịch tiếp tục chủ trì phiên thảo luận, nghe ý kiến của ĐHĐCĐ và giải đáp thắc mắc, theo nguyên tắc và cách thức sau đây:

- Phiên thảo luận sẽ được tiến hành sau khi báo cáo, nội dung của Đại hội được trình bày.
- Hoan nghênh cổ đông nêu ý kiến phát biểu/đặt câu hỏi tại cuộc họp bằng Phiếu ý kiến (do ban tổ chức cuộc họp cung cấp), gửi cho Ban thư ký để tổng hợp gửi lên Đoàn chủ tịch. Ngoài ra, tài liệu cuộc họp được Tổng công ty đăng tải trên website, đề nghị cổ đông nghiên cứu trước và chuẩn bị câu hỏi, gửi trước cho ban tổ chức.
- Các cổ đông yêu cầu và Đoàn chủ tịch trả lời trực tiếp các câu hỏi trọng tâm và liên quan đến các nội dung trong chương trình và mang tính đại diện cho nhiều cổ đông. Về các nội dung đã được công bố thông tin, các nội dung có tính chất giải thích chuyên môn, Đoàn chủ tịch sẽ tổng hợp và trả lời chung. Về các câu hỏi về thông tin riêng lẻ hoặc không liên quan trực tiếp đến nội dung cuộc họp đại hội đồng cổ đông, sẽ được ban thư ký tập hợp và trả lời bằng văn bản hoặc thông tin trên website của Tổng công ty.

### **III. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠİ CUỘC HỌP:**

#### **1. Nguyên tắc:**

Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của cuộc họp ĐHĐCĐ đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông bằng Phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện theo ủy quyền. Mỗi cổ đông khi vào dự họp được cấp một Phiếu biểu

quyết, trong đó ghi các thông tin theo quy định, các nội dung đề nghị biểu quyết, (có in mã vạch để phục vụ việc kiểm phiếu bằng công nghệ thông tin).

## **2. Cách biểu quyết:**

Cổ đông biểu quyết (*tán thành, không tán thành, không có ý kiến*) từng vấn đề bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng trong Phiếu biểu quyết, sau đó chuyển lại Phiếu biểu quyết cho Ban tổ chức.

## **3. Thời điểm biểu quyết:**

Ngay sau khi kết thúc phần thảo luận, các cổ đông chuyển Phiếu biểu quyết cho Ban tổ chức. Trong quá trình họp, các cổ đông có thể biểu quyết trước các nội dung và chuyển Phiếu biểu quyết cho Ban tổ chức.

## **4. Kiểm phiếu:**

Ban kiểm phiếu gồm 3 thành viên do Đoàn Chủ tịch đề xuất và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban kiểm phiếu tiến hành công việc thu phiếu, kiểm phiếu với sự trợ giúp của tổ giúp việc.

Trong trường hợp cần thiết, Đoàn Chủ tịch sẽ mời đại diện quý vị cổ đông dự họp để tham gia giám sát quá trình thu phiếu và kiểm phiếu biểu quyết với Ban kiểm phiếu.

## **IV. TRÁCH NHIỆM CỦA ĐOÀN CHỦ TỊCH:**

1. Điều khiển cuộc họp theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được ĐHĐCĐ thông qua. Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
2. Hướng dẫn cổ đông thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của cuộc họp ĐHĐCĐ và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình họp.
3. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức và điều hành cuộc họp ĐHĐCĐ.

## **V. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN THƯ KÝ:**

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến cuộc họp ĐHĐCĐ và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại cuộc họp.
2. Tập hợp văn bản ý kiến của cổ đông trình Đoàn chủ tịch.
3. Soạn thảo Biên bản họp đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại cuộc họp.

## **VI. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU:**

4. Phổ biến thể lệ và các nguyên tắc biểu quyết.
5. Phát phiếu và thu phiếu biểu quyết, tiến hành kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả biểu quyết về các vấn đề thông qua tại cuộc họp.
6. Nhanh chóng thông báo cho Ban Thư ký kết quả biểu quyết.
7. Xem xét và báo cáo với ĐHĐCĐ quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ hoặc đơn từ khiếu nại về biểu quyết.

Trên đây là Nội quy cuộc họp và Thể lệ biểu quyết, kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HĐQT**

**Bùi Minh Tiến**

## **Phần 2 - BÁO CÁO TÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2011 VÀ CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2012**

### **A. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2011**

#### **I. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Bước sang năm thứ 8 kể từ ngày thành lập và trải qua hơn 4 năm hoạt động với mô hình Công ty cổ phần, Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP ((tiền thân là Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí) ngày càng lớn mạnh, phát triển bền vững. Kế thừa và phát huy kinh nghiệm, nguồn nhân lực cùng với những thay đổi phù hợp về mô hình tổ chức, quản lý và phương thức điều hành, năm 2011, PVFCCo đã đạt được kết quả ấn tượng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành mục tiêu phát triển thương hiệu, từng bước nâng cao vị thế cạnh tranh trên thị trường sản xuất - kinh doanh phân bón trong và ngoài nước; tạo được sự an tâm và gắn bó lâu dài đối với từng thành viên trong Tổng công ty; khẳng định tính đúng đắn, phù hợp trong chiến lược kinh doanh của Tổng công ty, tạo tiền đề cho sự phát triển của Tổng công ty trong giai đoạn mới - giai đoạn 2012-2015.

Trong năm 2011, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty có những thuận lợi và gặp những khó khăn nhất định từ cả những nguyên nhân chủ quan và khách quan như sau:

#### **1. Thuận lợi:**

##### **a. Yếu tố bên ngoài:**

- PVFCCo là một trong hai Nhà sản xuất phân Urê trong nước (tính đến năm 2011), với công suất thiết kế lên đến 800.000 tấn/năm, PVFCCo cung ứng trên 50% tổng nhu cầu phân bón cho thị trường nội địa.
- Là công ty cổ phần với sự tham gia góp vốn chi phối của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), Tổng công ty được sự hỗ trợ nhiều mặt từ PVN cũng như của các đơn vị thành viên trong tập đoàn.
- Thị trường phân bón thế giới trong năm 2011 trải qua nhiều biến động, giá bán bị đẩy lên cao đến mức kỷ lục do các quỹ đầu tư tập trung mua hàng dự trữ với nỗi lo nguồn cung thiếu hụt;
- PVFCCo có các cổ đông chiến lược như Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (BIDV), Ngân hàng Thương mại CP Á Châu (ACB) - đây là một trong những điều kiện thuận lợi hỗ trợ PVFCCo phát triển hoạt động kinh doanh thương mại, đầu tư góp vốn, đầu tư xây dựng.

##### **b. Tiềm lực của Tổng công ty:**

- Chất lượng và thương hiệu Đạm Phú Mỹ đã tạo được uy tín đối với bà con nông dân trên khắp các vùng miền trong cả nước.
- Hệ thống phân phối đạm đã được triển khai đến các vùng miền tiêu thụ.
- Nguồn khí đầu vào đáp ứng đủ cho công suất hoạt động tối đa của nhà máy.
- Nguồn vốn được đảm bảo đủ và kịp thời cho hoạt động sản xuất và kinh doanh hàng xuất nhập khẩu.
- Nhà máy Đạm Phú Mỹ tự sản xuất điện từ nguyên liệu khí, đáp ứng về cơ bản nhu cầu sản xuất của Nhà máy nên Tổng công ty chủ động được nguồn điện phục vụ sản xuất, ít bị ảnh hưởng khi giá điện tăng (Chính phủ quyết định tăng giá điện (hơn 15%) từ 01/3/2011).
- Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty được sắp xếp hợp lý. Các phòng ban nghiệp vụ hoạt động theo quy chế phân cấp tổ chức và điều hành một cách rõ ràng. Hệ thống các quy định, quy chế quản lý nội bộ luôn được sửa đổi, bổ sung phù hợp với hoạt động của Tổng công ty theo từng thời kỳ.

- Đội ngũ cán bộ nhân viên Tổng công ty có năng lực, kinh nghiệm và đang dần được trẻ hóa, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong môi trường sản xuất kinh doanh cạnh tranh với những yêu cầu ngày càng khắt khe hơn.
- Truyền thống đoàn kết, lao động sáng tạo, sự nỗ lực cống hiến của toàn thể CBCNV Tổng công ty.

## 2. Khó khăn:

### a. Nguyên nhân khách quan:

- Đối với hoạt động sản xuất:
  - + Nhà máy đã vận hành liên tục 7 năm nên tiềm ẩn nhiều nguy cơ sự cố về máy móc, thiết bị.
  - + Giá nguyên liệu khí dùng cho Nhà máy Đạm Phú Mỹ tăng cao (từ 3,55 lên 4,59 USD/MMBTU); tỷ giá USD/VNĐ biến động tăng làm chi phí mua khí (nguyên liệu sản xuất chính) tăng khoảng 34,7% so với kế hoạch - là nguyên nhân chính dẫn đến việc tăng giá thành sản xuất.
  - + Trong công tác bảo dưỡng, bảo trì Nhà máy: Do phụ tùng thay thế của Nhà máy chủ yếu được nhập từ nước ngoài nên tỷ giá tăng làm cho chi phí bảo dưỡng và bảo trì Nhà máy tăng khoảng 12% so với kế hoạch.
  - + Giá xăng dầu tăng làm tăng chi phí vận chuyển, bốc xếp từ 20 đến 25% và tăng các chi phí khác trong lưu thông từ 10 đến 15%.
- Thị trường kinh doanh tuy được mở rộng nhưng mức độ cạnh tranh ngày một gay gắt do phân bón nhập khẩu, đặc biệt là lượng phân bón tiểu ngạch từ Trung Quốc có giá rẻ tràn sang qua con đường tiểu ngạch.
- Tình trạng thiên tai, lũ lụt kéo dài trong 4 tháng cuối năm 2011 đã ảnh hưởng đến mùa vụ của bà con và công tác kinh doanh của Tổng công ty.
- Hoạt động xuất nhập khẩu: Nguồn cung ngoại tệ hạn chế buộc Tổng công ty phải mua ngoại tệ với giá cao dẫn đến tăng giá thành phân bón nhập khẩu, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả kinh doanh hàng nhập khẩu.
- Hoạt động đầu tư: PVFCCo gặp nhiều khó khăn do giá nguyên vật liệu tăng làm tăng chi phí dự toán của các công trình xây dựng khiến việc điều chỉnh dự toán, thu xếp vốn gặp khó khăn, tiến độ của các dự án bị ảnh hưởng.

### b. Nguyên nhân chủ quan:

- Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty đang trong giai đoạn mở rộng và hoàn thiện để phù hợp với định hướng phát triển đa dạng hóa lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty. Bên cạnh đó, nguồn nhân lực phát triển chưa đồng bộ so với nhu cầu ngày càng cao của thị trường.
- Đội ngũ cán bộ quản lý có chuyên môn nghiệp vụ cao nhưng chưa chủ động/chưa có ý tưởng sáng tạo để tham mưu cho lãnh đạo trong công tác hoạch định chiến lược phát triển. Cán bộ đầu ngành của các bộ phận chưa thúc đẩy và kiểm soát chặt chẽ việc thực thi nhiệm vụ của nhân viên, chưa đánh giá đúng năng lực của từng người để phân công công việc phù hợp.

## II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2011

### 1. Các chỉ tiêu thực hiện năm 2011

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2011	Thực hiện 2011	Tỷ lệ % TH/KH
1	Sản lượng sản xuất				
-	Urê Phú Mỹ	Nghìn tấn	770	802	104%

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2011	Thực hiện 2011	Tỷ lệ % TH/KH
-	Bao bì	Triệu bao	28,3	32,5	116%
<b>2</b>	<b>Sản lượng phân bón nhập khẩu</b>	Nghìn tấn	250	135	54%
<b>3</b>	<b>Sản lượng kinh doanh</b>			-	-
-	Urê Phú Mỹ	Nghìn tấn	800	753	94%
-	Bao bì	Triệu bao	28,3	34	120%
-	Kinh doanh XNK phân bón, hóa chất và kinh doanh khác	Nghìn tấn	320	310	97%
<b>4</b>	<b>Chỉ tiêu tài chính toàn Tổng công ty (hợp nhất)</b>				
	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	7.000	9.763	139%
	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.570	3.510	223%
	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.430	3.104	217%
	Nộp NSNN	Tỷ đồng	304	537	177%
<b>5</b>	<b>Chỉ tiêu tài chính công ty mẹ</b>				
	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	6.467	8.238	127%
	Trong đó: Vốn điều lệ	Tỷ đồng	3.800	3.800	100%
	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	4.637	8.224	177%
	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.515	3.441	227%
	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.407	3.120	222%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	37%	82%	
	Nộp NSNN	Tỷ đồng	184	422	229%
<b>6.</b>	<b>Đầu tư</b>				
	<b>Tổng mức đầu tư</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>1.584</b>	<b>1.086</b>	<b>69%</b>
	Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	942	780	82%
	Mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	134	77	57%
	Đầu tư góp vốn	Tỷ đồng	507	229	45%
	<b>Nguồn vốn đầu tư</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>1.584</b>	<b>1.086</b>	<b>69%</b>
	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.219	1.086	89%

## Diễn giải về các chỉ tiêu quan trọng:

### 1.1. Sản lượng sản xuất:

- Urê Phú Mỹ: đạt 801.852 tấn, vượt kế hoạch năm 2011 và giảm 1% so với năm 2010. Điều đáng chú ý là trong năm 2011 Tổng công ty chủ động dừng hoạt động của Nhà máy đạm Phú Mỹ 30 ngày để thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa lớn theo kế hoạch.
- Sản xuất bao bì: đạt 32,522 triệu bao, tăng 19% so với năm 2010. Sản lượng bao bì ngoài bao phân bón đã có sự tăng trưởng, đa dạng hóa thêm mặt hàng bao bì.

### 1.2. Sản lượng nhập khẩu:

Sản lượng phân bón nhập khẩu năm 2011 đạt 135.454 tấn, bằng 54% KH năm. Kinh doanh XNK được Tổng công ty xác định là hỗ trợ tạo nguồn cung và bảo đảm vị thế trên thị trường, đồng thời đặt mục tiêu hiệu quả kinh tế lên hàng đầu. Với tình hình thị trường năm 2011, mức sản lượng phân bón nhập khẩu như vậy là phù hợp và bảo đảm hiệu quả.

### 1.3. Sản lượng tiêu thụ:

Urê Phú Mỹ: 752.598 tấn, đạt 94% KH năm, giảm 6% so với cùng kỳ 2010: Do tình hình thời tiết xấu, lũ lụt kéo dài tại nhiều tỉnh trên cả nước, đặc biệt là lũ trong tháng 10-11 tại đồng bằng sông

Cửu Long khiến vụ Đông Xuân vào muộn và kéo dài cao điểm sử dụng phân đạm sang đầu năm 2012.

## **2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011:**

### **2.1. Công tác quản lý sản xuất:**

- Vận hành an toàn và ổn định các Nhà máy đạm Phú Mỹ và Nhà máy bao bì Phú Mỹ.
- Thực hiện thành công đợt bảo dưỡng, sửa chữa lớn Nhà máy đạm Phú Mỹ với tiêu chí 4 nhất: “An toàn - Chất lượng - Tiến độ - Hiệu quả”, hoàn thành trước kế hoạch 1 ngày; giảm thiểu việc thuê chuyên gia nước ngoài thực hiện công tác bảo dưỡng góp phần tiết kiệm chi phí; không xảy ra sự cố trong quá trình thực hiện.
- Công tác bảo dưỡng khác có những tiến bộ mới: thay đổi phương thức từ sửa chữa đột xuất sang bảo dưỡng có kế hoạch; thực hiện tốt công tác bảo dưỡng định kỳ, bảo dưỡng phòng ngừa đối với các thiết bị trong Nhà máy. Đây là yếu tố quan trọng để giảm thiểu sự cố ngừng máy, đảm bảo sản xuất ổn định, an toàn và hiệu quả.
- Áp dụng các phần mềm tiên tiến trong bảo dưỡng như CMMS, System 1 đã hỗ trợ hiệu quả trong việc quản lý, theo dõi tình trạng thiết bị và chẩn đoán các hư hỏng của thiết bị cũng như hoạt động điều tra sự cố (nếu có).
- Áp dụng hiệu quả các bộ định mức tiêu hao, dự phòng vật tư tối thiểu trong sản xuất; thường xuyên theo dõi và đánh giá các bộ định mức phù hợp với tình hình sản xuất thực tế của Nhà máy.
- Tiến hành thu thập tài liệu, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật phục vụ cho việc thực hiện phương án nâng cao chất lượng hạt ure.
- Lập kế hoạch và thiết lập các mối quan hệ với các nhà cung cấp trong, ngoài nước để chủ động trong công tác cung ứng vật tư và bảo dưỡng Nhà máy.

### **2.2. Công tác quản lý kinh doanh:**

Trước tình hình thị trường thế giới biến động khó lường, công tác tổ chức kinh doanh của PVFCCo tập trung vào nhiệm vụ bình ổn thị trường trong nước, đảm bảo chủ động nguồn phân bón (đặc biệt là phân đạm) cho nông dân, thể hiện cụ thể ở các điểm sau:

- **Công tác thông tin dự báo thị trường:** Thường xuyên cập nhật diễn biến thị trường trong và ngoài nước; tổ chức hệ thống thông tin thông suốt từ Tổng công ty đến từng cán bộ kinh doanh. Việc cập nhật tin tức kịp thời giúp Tổng công ty đưa ra những quyết sách phù hợp trong công tác chuẩn bị nguồn hàng và xây dựng giá bán sát giá thị trường.
- **Tổ chức/phối hợp tổ chức hội nghị, hội thảo chuyên đề:** Nhằm cập nhật, trao đổi thông tin và huy động trí tuệ tập thể trong quản lý hoạt động kinh doanh, PVFCCo cũng đã tổ chức/phối hợp tổ chức các cuộc hội nghị, hội thảo (hội nghị về công tác bình ổn tại Nam Định và TP.HCM, hội nghị “Diên Hồng” bàn về kinh doanh, cuộc thi đặt tên thương hiệu gốc, hội thảo về công tác thông tin thị trường...). Kết quả các hội nghị, hội thảo đã góp phần quan trọng trong hoạt động quảng bá sản phẩm, hình ảnh của PVFCCo. ở thị trường trong và ngoài nước, là cơ sở giúp Tổng công ty hoàn thiện các phương án, chiến lược kinh doanh cho năm 2011 và xây dựng định hướng kinh doanh cho những năm tiếp theo.
- **Công tác chuẩn bị cho dự án Đạm Cà Mau:**
  - + Tiến hành khảo sát thị trường tại các tỉnh thuộc đồng bằng Sông Cửu Long; lập kế hoạch triển khai phát triển sản phẩm ure hạt đục.
  - + Hoàn thành đào tạo 456 học viên (173 kỹ sư và 283 công nhân) và chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC).
  - + Hỗ trợ ký kết các hợp đồng liên quan trong công tác chuẩn bị bảo dưỡng, vận hành nhà máy và công tác tiêu thụ sản phẩm đạm hạt đục Cà Mau.



+ Xây dựng phương án tiêu thụ trong nước và xuất khẩu cho sản phẩm đạm Cà Mau năm 2012; kí kết các hợp đồng bao tiêu sản phẩm và sản phẩm chạy thử với PVCFC; kí kết hợp đồng nguyên tắc với các khách hàng tiêu thụ Đạm Cà Mau.

- **Củng cố Hệ thống phân phối:** Tiếp tục củng cố và mở rộng mạng lưới phân phối phân bón trong nước; từng bước nghiên cứu xây dựng hệ thống phân phối tại thị trường các nước trong khu vực (Campuchia, Lào, Myanma, Thái Lan). Đến thời điểm cuối năm 2011, Hệ thống đại lý/cửa hàng đạt chuẩn theo tiêu chí của PVFCCo có số lượng như sau:

Loại hình	Chi nhánh và cửa hàng trực thuộc	Đại lý cấp 1	Đại lý cấp 2
Số lượng	12	110	2.922

- **Công tác điều độ:** Với kế hoạch được xây dựng đầu năm, Tổng công ty luôn chủ động trong công tác điều chuyển hàng phù hợp với yêu cầu thực tế của mùa vụ tại từng vùng miền, đảm bảo tính hợp lý trong kinh doanh. Bên cạnh đó, Tổng công ty linh hoạt thực hiện điều chuyển hàng về các kho trung chuyển kịp thời và sẵn sàng đón đầu cơ hội kinh doanh khi thị trường có diễn biến bất thường.

- **Công tác bán hàng vùng lũ:** Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, PVFCCo đã triển khai bán hàng hỗ trợ giá đạm Phú Mỹ tại các tỉnh vùng lũ với tổng lượng hàng đã bán là 22.993 tấn. Những đợt bán hàng này đã giúp người dân vùng lũ giảm bớt phần nào khó khăn và tin tưởng vào chính sách của Nhà nước và doanh nghiệp.

- **Kinh doanh XNK phân bón và sản phẩm khác:**

+ Nhập khẩu: Năm 2011 Tổng công ty nhập khẩu 135.454 tấn phân bón các loại. Tuy số lượng nhập khẩu không đạt kế hoạch đề ra nhưng đã đáp ứng được mục tiêu bình ổn thị trường phân bón trong nước, trong năm không xảy ra tình trạng thiếu hàng, sốt giá.

+ Xuất khẩu: Tăng cường hợp tác với các đối tác kinh doanh phân bón quốc tế nhằm chuẩn bị cho việc xuất khẩu các sản phẩm phân bón của PVFCCo từ năm 2012. Năm 2011, PVFCCo xuất khẩu 24.261 tấn urê Phú Mỹ, tái xuất 1.000 tấn urê nhập khẩu.

+ Kinh doanh NPK: Để đa dạng hóa sản phẩm cũng như chuẩn bị thị trường cho nhà máy NPK Phú Mỹ, PVFCCo đã hợp tác với tập đoàn Sojitz đưa ra thị trường dòng sản phẩm mới – phân bón hỗn hợp NPK.

+ Kinh doanh hóa chất: Tiếp tục tham gia các gói thầu cung cấp hóa chất cho các đơn vị trong ngành như VSP, BSR,...

+ Kinh doanh xơ sợi: Chuẩn bị phương án kinh doanh, tìm kiếm khách hàng cho sản phẩm xơ của dự án PV Tex Đình Vũ;

☛ **Đánh giá chung:** Các hoạt động quản lý kinh doanh trên được tổ chức/ thực hiện đồng bộ đã góp phần giúp Tổng công ty thực hiện nhiệm vụ bình ổn thị trường trong năm 2011, đồng thời giúp chuẩn bị tốt các điều kiện phục vụ kinh doanh trong thời gian tới, đặc biệt từ năm 2012 khi thị trường phân đạm trong nước cung vượt cầu và ưu thế chuyển từ người bán sang người mua.

### 2.3. Hoạt động đầu tư XDCB, đầu tư góp vốn:

Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về đầu tư mới và các dự án thực hiện chuyển tiếp, năm 2011 Tổng công ty triển khai **18 dự án**, cụ thể:

- **Dự án Văn phòng 43 Mạc Đĩnh Chi, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh:** Tòa nhà được hoàn thành và đưa vào sử dụng từ ngày 22/8/2011, hiện nay là trụ sở chính của Tổng công ty.
- **Dự án kho cảng tổng hợp 20.000DWT tại Cái Cui - Cần Thơ:** đã hoàn thành giai đoạn I và đang triển khai giai đoạn II - thi công cảng. Dự án chậm tiến độ do vướng mắc các thủ tục về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với địa phương.
- **Dự án NPK Phú Mỹ:** Tiếp tục thực hiện đấu thầu gói thầu EPC theo kế hoạch đấu thầu mới. Dự án chậm tiến độ so với kế hoạch.

- **Hệ thống kho:** Tổng công ty đã xây dựng quy hoạch hệ thống kho/cảng đến năm 2015. Trong năm 2011 hoàn thành và đưa vào sử dụng các kho đầu mối: kho Quảng Nam, kho Đak Lak, Kho Đồng Nai, kho Đak Nông, kho Cái Cui, kho Tiền Giang.
- **Các dự án còn lại:** đang tiếp tục triển khai theo kế hoạch.

↳ **Ước giá trị giải ngân** trong ĐTXDCB và MSTTB năm 2011 khoảng 857 tỷ đồng.

↳ **Đầu tư góp vốn:** Thực hiện góp vốn 229 tỷ đồng vào các công ty con và liên kết.

#### 2.4. Các hoạt động quản lý khác:

- **Công tác tái cấu trúc doanh nghiệp:** Thực hiện công tác đổi mới doanh nghiệp, sắp xếp hợp lý các nguồn lực theo nguyên tắc đảm bảo tập trung vào những lĩnh vực chủ yếu phù hợp với chức năng nhiệm vụ và thế mạnh của từng đơn vị trong PVFCCo.
- **Công tác nhân sự:** PVFCCo luôn chú trọng xây dựng đội ngũ CBCNV đáp ứng yêu cầu quản lý, sản xuất kinh doanh và chiến lược phát triển của Tổng công ty. Tính đến 31/12/2011, tổng số lao động trong toàn Tổng công ty là 1.826 người (Nam: 1.264; Nữ: 562 người) có trình độ đạt yêu cầu, góp phần vào thành công của Tổng công ty thời gian qua.
- **Công tác tiền lương và chế độ chính sách:** Tổng công ty đã áp dụng đề án cải tiến chính sách tiền lương, qua đó đã góp phần động viên khuyến khích người lao động; thực hiện phân phối lương theo hướng chú trọng những vị trí quan trọng trong vận hành sản xuất của Nhà máy đạm Phú Mỹ bằng phụ cấp thu hút nghề hiếm và trọng số khối vận hành. Đặc biệt, để đáp ứng yêu cầu phát triển và làm chủ công nghệ hiện đại, PVFCCo đã xây dựng và ban hành “Quy định chức danh chuyên gia của PVFCCo” nhằm thu hút và gìn giữ nhân tài.
- **Công tác đào tạo:** Tổng công ty luôn quan tâm, chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm xây dựng đội ngũ lao động có chất lượng, đảm bảo quản lý, vận hành an toàn, hiệu quả Nhà máy đạm Phú Mỹ, Nhà máy Bao bì đạm Phú Mỹ và các nhà máy khác của PVFCCo trong tương lai. Chất lượng đào tạo ngày càng được nâng cao theo phương thức đi sâu vào chuyên môn, nâng cao tính chuyên nghiệp.
- **Hoạt động tài chính kế toán:**
  - + Thu xếp đủ và đúng hạn nguồn vốn theo kế hoạch sản xuất và kinh doanh.
  - + Tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty các quyết định liên quan đến tài chính.
  - + Tổ chức hệ thống kế toán theo đúng chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán, áp dụng và thực hiện hạch toán kế toán trên phần mềm máy tính.
  - + Hệ thống sổ sách kế toán đã được mở đầy đủ theo quy định, chứng từ kế toán được lập, kiểm soát, ký nhận và lưu trữ đầy đủ, rõ ràng theo tiêu chuẩn ISO.
  - + Thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, kiểm toán.
  - + Lập Báo cáo tài chính đầy đủ, đúng hạn, đúng mẫu, đảm bảo nội dung theo quy định của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn liên quan.
- **Công tác ứng dụng khoa học & công nghệ:**
  - + Các kỹ sư đang làm việc tại Nhà máy đạm Phú Mỹ đã sử dụng thành thạo các công cụ tiên tiến phục vụ cho vận hành, bảo dưỡng và quản lý thiết bị.
  - + Tổng công ty đã xây dựng Chiến lược bảo dưỡng Nhà máy theo hướng dài hạn, ứng dụng những phương thức quản lý bảo dưỡng hiện đại.
  - + Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến hợp lý hóa. Trong năm 2011 có 106 sáng kiến/hợp lý hóa sản xuất với giá trị làm lợi hơn 37 tỷ đồng.
  - + Hoàn thiện việc vận hành hệ thống ERP giai đoạn 1 (phần hệ logistic và kế toán) trong toàn Tổng công ty nhằm tăng cường công cụ quản lý. Hiện Tổng công ty đang tiếp tục triển khai giai đoạn 2 (phần hệ quản lý sản xuất và lập kế hoạch ngân sách).

- **Công tác nghiên cứu phát triển:**

Xây dựng Chiến lược phát triển sản phẩm và dịch vụ đến năm 2015; Chiến lược phát triển sản phẩm NPK; triển khai thử nghiệm chương trình Bảo hiểm An Nông Việt cho người nông dân mua và sử dụng Đạm Phú Mỹ; chú trọng các hoạt động nghiên cứu khoa học, thực hiện các khảo nghiệm liên quan đến việc phát triển ứng dụng hóa chất trong nông nghiệp.

- **Hoạt động xây dựng thương hiệu, tiếp thị truyền thông:**

Bên cạnh việc thực hiện quảng bá hình ảnh, thông tin về Tổng công ty và sản phẩm cung ứng theo phương thức truyền thống, PVFCCo còn triển khai các đề án chăm sóc khách hàng, đưa vật phẩm quà tặng đến tận tay bà con nông dân. Tổng công ty đã xây dựng 11 cửa hàng theo hệ thống riêng tại các vùng miền nhằm giúp người tiêu dùng so sánh, kiểm chứng sản phẩm do Tổng công ty cung cấp với mục tiêu chống hàng giả, hàng không đảm bảo chất lượng.

Năm 2011, Tổng công ty đẩy mạnh triển khai các hoạt động tiếp thị truyền thông theo phương châm: sáng tạo – hiệu quả, hướng đến khách hàng, phù hợp với đặc thù từng vùng miền, mùa vụ và đối tượng. Bên cạnh đó, Tổng công ty cũng chủ động cung cấp thông tin cho thị trường, cho đối tác cũng như các nhà nhập khẩu, đặc biệt thông tin về đợt bảo dưỡng sửa chữa lớn của Nhà máy đạm Phú Mỹ đã tạo điều kiện cho các đơn vị kinh doanh chuẩn bị nguồn hàng.

- **Công tác An toàn - Môi trường:**

Đây là vấn đề luôn được PVFCCo. đặt lên hàng đầu. Tổng công ty đã tiến hành lập biểu đồ các thông số môi trường chính để theo dõi tình hình quan trắc môi trường của Nhà máy và các Công ty thành viên, đảm bảo môi trường tại các Nhà máy và các khu vực xung quanh luôn đạt các tiêu chuẩn quy định trong giấy phép đã đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước. Tổng công ty không để xảy ra sự cố nào làm ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh. Công tác an ninh, phòng chống cháy nổ luôn được coi trọng và tăng cường tại tất cả các đơn vị.

- **Xây dựng văn hóa doanh nghiệp:**

Theo tiêu chí “Mạnh-Đặc thù-Nổi trội-Bền vững”, PVFCCo. đã ban hành Sổ tay văn hóa doanh nghiệp và đang triển khai áp dụng các chuẩn mực VHDN trong hoạt động thực tế của Tổng công ty. **Hoạt động an sinh xã hội:** Với mục tiêu góp phần vì cộng đồng, năm 2011 PVFCCo. đã triển khai thực hiện công tác an sinh xã hội với tổng số tiền 134,76 tỷ đồng.

*✎ Có thể nói, năm 2011 là năm Tổng công ty đạt kết quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong năm, Tổng công ty đã đạt được những thành tựu nổi bật và nhiều giải thưởng tiêu biểu như:*

- **Những thành tựu nổi bật trong năm 2011:**

- + Lợi nhuận về đích trước 3 tháng.
- + Doanh thu về đích trước 2 tháng.
- + Sản lượng sản xuất Đạm Phú Mỹ về đích trước 13 ngày.
- + Đạt mốc sản lượng 5 triệu tấn Đạm Phú Mỹ ngày 6/8/2011.
- + Sản lượng bao bì vượt 15% so với KH.
- + Năng suất lao động 4,8 tỷ VNĐ/người/năm.
- + Góp phần quan trọng đảm bảo bình ổn thị trường phân bón trong nước, không để xảy ra hiện tượng sốt hàng, sốt giá.

**- Các danh hiệu, giải thưởng tiêu biểu đạt được trong năm 2011:**

- + PVFCCo được bình chọn là “Doanh nghiệp tiêu biểu ASEAN” năm 2011 tại Lào.
- + Thương hiệu sản phẩm “Đạm Phú Mỹ” là Top 3 “Thương hiệu đứng đầu” ngành hàng Nông nghiệp do VCCI trao tặng.
- + Thương hiệu “Đạm Phú Mỹ” đoạt giải thưởng Sao Vàng Đất Việt – TOP 10 Thương hiệu Việt Nam tiêu biểu trong hội nhập quốc tế.
- + Báo cáo Thường niên của PVFCCo đạt giải Silver Award và là TOP 10 Annual Report in Vietnam Award tại cuộc thi LACP Vision Awards do League of American Communications Professionals tổ chức.

## **B. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2012**

### **I. Nhận định tình hình:**

Năm 2012 được dự báo là năm sẽ không có nhiều biến động đối với thị trường phân bón. Tại Việt Nam, nguồn cung phân đạm Urê đáp ứng được toàn bộ nhu cầu trong nước nhờ các nhà máy sản xuất mới đi vào hoạt động với tổng công suất thiết kế tăng hơn gấp đôi so với năm 2011. Bên cạnh đó, do ảnh hưởng của thời tiết nên nhu cầu phân bón cho mùa vụ khả năng không tăng và không có dấu hiệu tăng bất thường tạo ra những đột phá trong năm. Điều này vừa là cơ hội cũng là thách thức đối với PVFCCo.

### **II. Nhiệm vụ trọng tâm:**

1. Vận hành Nhà máy Đạm Phú Mỹ an toàn, ổn định, đảm bảo chất lượng sản phẩm.
2. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm thích ứng môi trường cạnh tranh quốc tế.
3. Hoàn thiện và triển khai chiến lược marketing, chiến lược thương hiệu.
4. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu đa dạng hóa sản phẩm.
5. Tổ chức kinh doanh phân bón, đảm bảo hiệu quả; phối hợp chặt chẽ với PVCFC tổ chức tiêu thụ Đạm Cà Mau; tiếp tục triển khai công tác tiếp thị và chuẩn bị thị trường cho sản phẩm phân bón NPK.
6. Triển khai các dự án đầu tư theo tiến độ. Củng cố, hoàn thiện hệ thống phân phối phân bón trong nước, tiến tới xây dựng hệ thống phân phối tại nước ngoài, trước mắt là thị trường Campuchia.
7. Nghiên cứu trình Đại hội đồng cổ đông phương án đầu tư vào dự án Đạm Cà Mau.
8. Tiếp tục cập nhật điều chỉnh các quy chế, quy định, quy trình, hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật hiện có cho phù hợp với tình hình thực tế.
9. Thực hiện chương trình phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí.
10. Tiếp tục thực hiện chương trình an sinh xã hội vì cộng đồng.
11. Thực hiện các nhiệm vụ khác.

### **III. Các chỉ tiêu chủ yếu**

#### **1/ Chỉ tiêu sản lượng**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2012	Ghi chú
1	Sản lượng sản xuất			
1.1	Đạm Phú Mỹ	Nghìn tấn	800	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2012	Ghi chú
1.2	Bao bì	Triệu bao	38	
<b>2</b>	<b>Phân bón nhập khẩu</b>	<b>Nghìn tấn</b>	<b>100</b>	
<b>3</b>	<b>Sản lượng kinh doanh</b>	<b>Nghìn tấn</b>		
3.1	Đạm Phú Mỹ	Nghìn tấn	850	
3.2	Đạm Cà Mau	Nghìn tấn	560	
3.3	NPK Phú Mỹ	Nghìn tấn	35	
3.4	Bao bì	Triệu bao	38	
3.5	Kinh doanh XNK phân bón, hóa chất và kinh doanh khác	Nghìn tấn	165	

## 2/ Kế hoạch tài chính toàn Tổng công ty (hợp nhất)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2012
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	13.921
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2.000
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.787
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	235

## 3/ Kế hoạch Công ty mẹ

### a/ Kế hoạch Tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2012
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	3.800
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	12.854
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.945
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.764
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	46
6	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ	%	25
7	Nộp NSNN	Tỷ đồng	181

### b/ Kế hoạch vốn đầu tư

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2012
<b>1</b>	<b>Tổng mức đầu tư</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>3.636</b>
a	Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	706
b	Mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	262
c	Đầu tư góp vốn	Tỷ đồng	2.668
<b>2</b>	<b>Nguồn vốn đầu tư</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>3.636</b>
a	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	3.340
	<i>Trong đó - Vốn điều lệ tăng thêm</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>0</i>
	<i>- Các quỹ khác</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>3.340</i>
b	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	296

### **Ghi chú:**

Các chỉ tiêu Kế hoạch năm 2012 trên đây có sự khác biệt về chỉ tiêu sản lượng và doanh thu so với Kế hoạch được HĐQT Tổng công ty phê duyệt và công bố thông tin vào đầu năm 2012, do HĐQT điều chỉnh với các nguyên nhân sau:

- Chỉ tiêu sản lượng NPK Phú Mỹ giảm từ 70.000 tấn xuống 35.000 tấn: Do sản phẩm NPK Phú Mỹ được Tổng công ty thuê đơn vị bên ngoài gia công theo tiêu chuẩn chất lượng tương đương sản phẩm NPK của dự án nhà máy NPK Phú Mỹ (đang trong quá trình đầu tư) nhằm mục đích chuẩn bị thị trường. Căn cứ mục đích của hoạt động chuẩn bị thị trường, việc điều chỉnh sản lượng còn 35.000 tấn là phù hợp.
- Chỉ tiêu sản lượng kinh doanh phân bón, hóa chất và khác: Giảm từ 200.000 tấn xuống 165.000 tấn, do Tổng công ty không đưa vào kế hoạch kinh doanh phân phối 35.000 tấn xơ sợi của dự án xơ sợi PV TEX Đình Vũ. Dự án xơ sợi của PV TEX dự kiến sẽ đi vào hoạt động chậm 5 tháng đồng thời thị trường xơ sợi chưa phải là thế mạnh của Tổng công ty. Tổng công ty muốn tập trung vào nhiệm vụ kinh doanh phân bón Phú Mỹ và Cà Mau.
- Tương ứng với việc giảm sản lượng nêu trên, chỉ tiêu tổng doanh thu giảm từ 15.810 tỷ xuống còn 13.921 tỷ đồng. Tuy nhiên, mặc dù giảm sản lượng và doanh thu bán hàng, Tổng công ty vẫn bảo đảm giữ nguyên chỉ tiêu lợi nhuận như kế hoạch đã đề ra nhờ vào các giải pháp tiết kiệm chi phí sản xuất, quản lý, bán hàng.

## **IV. Các giải pháp cơ bản để hoàn thành kế hoạch năm 2012:**

### **1. Về sản xuất, kỹ thuật và công nghệ:**

- Tuyệt đối tuân thủ các qui chế, qui định và qui trình để đảm bảo Nhà máy vận hành ổn định, an toàn, sản phẩm đạt chất lượng cao.
- Áp dụng và kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện bộ định mức tiêu hao nguyên vật liệu, phụ liệu hoá chất; thực hành tiết kiệm tối đa trong sản xuất.
- Nghiên cứu đa dạng hoá sản phẩm. Khuyến khích cải tiến công nghệ, sáng kiến hợp lý hóa sản xuất.
- Về công nghệ thông tin: Hoàn chỉnh hệ thống phần mềm phục vụ quản lý và sản xuất: phần mềm quản lý nguồn lực doanh nghiệp (ERP); phần mềm bản quyền, tính toán công nghệ, xây dựng thư viện điện tử, kiến thức an toàn,...

### **2. Về kinh doanh:**

- Phát triển hệ thống kho bãi, hoàn thiện hệ thống phân phối, phương tiện vận chuyển để đảm bảo tính chủ động, linh hoạt trong kinh doanh.
- Tích cực tham gia thị trường xuất nhập khẩu phân bón, tạo mối liên kết chặt chẽ với các nhà nhập khẩu có kinh nghiệm trong tiêu thụ để tăng thị phần, góp phần bình ổn giá phân bón trong nước và điều tiết thị trường.
- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm dịch vụ, mở rộng thị trường kinh doanh sản phẩm của PVFCCo sang thị trường Campuchia và các nước trong khu vực.

### **3. Về đầu tư phát triển**

- Ưu tiên thực hiện dự án quan trọng để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn. Lựa chọn tư vấn lập dự án đầu tư có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn cao làm cơ sở để đàm phán hợp đồng với nhà thầu.
- Tập trung triển khai các Dự án sản xuất NPK, Nitrat Amôn, NH<sub>3</sub>, Glyphosate, H<sub>2</sub>O<sub>2</sub>,... theo đúng tiến độ.

### **4. Về tài chính:**

- Xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn, đảm bảo nguồn vốn, tín dụng đáp ứng nhu cầu cho hoạt động kinh doanh và đầu tư.

- Quản lý chặt chẽ về tài chính, kiểm soát được dòng tiền, nguồn hàng làm tăng khả năng quay vòng vốn nhằm mang lại hiệu quả kinh tế tối ưu.
- Tham gia các dự án đầu tư góp vốn đảm bảo hiệu quả cao nhất. Thu xếp vốn đảm bảo triển khai các dự án.
- Giảm thiểu các khoản nợ xấu, nợ quá hạn, tránh tình trạng bị chiếm dụng vốn trong hoạt động kinh doanh; có cơ chế, công cụ để dự phòng, phòng ngừa rủi ro mất vốn.

#### **5. Về tổ chức – nhân sự:**

- Ổn định, hoàn thiện bộ máy tổ chức theo mô hình Công ty mẹ - con;
- Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động nhằm động viên khuyến khích người lao động hăng say trong công tác;
- Phát huy tối đa nguồn lực của các công ty con;
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc riêng PVFCCo, phù hợp với văn hóa Dầu khí;
- Công tác đào tạo năm 2012: Xây dựng, thực hiện kế hoạch đào tạo toàn diện, không ngừng nâng cao chất lượng cán bộ để đáp ứng với nhiệm vụ trong tình hình mới.

#### **6. Về môi trường, an toàn, sức khỏe**

- Áp dụng nghiêm chỉnh các yêu cầu pháp luật về môi trường, an toàn, sức khỏe; đặt mục tiêu an toàn cho sức khỏe của người lao động và cộng đồng xã hội lên hàng đầu.
- Duy trì sản xuất kinh doanh, đầu tư đa dạng hóa sản phẩm trên nguyên tắc tuân thủ các quy định về môi trường do luật pháp quy định;
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động của các Nhà máy sản xuất, đảm bảo xử lý chất thải theo đúng quy định, chỉ tiêu đăng ký;
- Xây dựng chương trình hành động, kế hoạch bảo hộ lao động và các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động, cải thiện điều kiện lao động, phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cho người lao động trong toàn Tổng công ty;
- Giám sát, kiểm tra và lập kế hoạch đánh giá nội bộ định kỳ nhằm duy trì Hệ thống quản lý chất lượng, sức khỏe, an toàn và môi trường.

#### **7. Về quản trị:**

- Hoàn thiện và đưa vào vận hành hệ thống ERP nhằm nâng cao chất lượng quản lý, giám sát toàn bộ các hoạt động của Tổng công ty để có những quyết sách kịp thời, phù hợp.
- Duy trì hoạt động sản xuất an toàn, hiệu quả;
- Bám sát các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, các giải pháp đã đề ra và có những chỉ đạo phù hợp với từng giai đoạn, từng thị trường.
- Trong kinh doanh, nghiên cứu điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng đón đầu được thị trường.
- Mở rộng phạm vi kinh doanh, đa dạng hóa sản phẩm để phù hợp với thời kỳ hội nhập mới, đồng thời tạo chỗ đứng vững chắc cho Tổng công ty trên thị trường trong nước và vươn ra thị trường quốc tế.

#### **8. Về truyền thông – marketing và hoạt động cộng đồng:**

- Tích cực tham gia hoạt động cộng đồng và sử dụng có hiệu quả quỹ an sinh xã hội.
- Tăng cường quan hệ hợp tác báo chí – truyền thông, trao đổi thông tin thường xuyên và kịp thời với các cơ quan báo chí.
- Tăng cường việc xây dựng hệ thống phân phối, bán hàng đến tay người tiêu dùng, kết hợp với củng cố hệ thống chăm sóc người tiêu dùng, hướng dẫn sử dụng phân bón có hiệu quả nhằm tăng năng suất cây trồng và bảo vệ môi trường.

### **9. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

- Lập Kế hoạch hành động cụ thể và thường xuyên kiểm tra giám sát việc thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong toàn Tổng công ty trên cơ sở Chương trình hành động đã đề ra. Thường xuyên tổng kết, đánh giá để có những điều chỉnh phù hợp với tình hình mới.

**Có thể nói**, trong năm 2011, bên cạnh những thuận lợi sẵn có, PVFCCo phải đối diện với không ít khó khăn, thử thách vì lý do khách quan và chủ quan. Tuy nhiên, bằng sự đồng tâm hiệp lực triển khai các nhiệm vụ của Ban Lãnh đạo và toàn thể CBCNV Tổng công ty với khẩu hiệu “Phát triển bền vững, hiệu quả và tiết kiệm”, PVFCCo đã có một năm bứt phá về hiệu quả hoạt động, đặc biệt là đạt mức tăng trưởng lợi nhuận ấn tượng.

Trên cơ sở những kết quả đạt được của năm 2011, tập thể CBCNV Tổng công ty cam kết sẽ nỗ lực phấn đấu đạt vượt mức chỉ tiêu kế hoạch năm 2012 do Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Trân trọng,

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Cao Hoài Dương**



## **Phần 3 - BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **I. ĐÁNH GIÁ CHUNG TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA TỔNG CÔNG TY TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2011.**

#### **1. Bối cảnh chung**

##### **1.1 Tình hình kinh tế, xã hội thế giới**

Năm 2011, Tình hình thế giới biến động phức tạp với những bất ổn về chính trị tại các nước Bắc Phi và Trung Đông, tình trạng lạm phát cao tại Trung Quốc, vấn đề nợ công gia tăng và khó kiểm soát tại một số nước thuộc Liên minh Châu Âu, việc khắc phục thảm họa sóng thần, động đất, hạt nhân tại Nhật còn gặp nhiều khó khăn.... khiến nền kinh tế toàn cầu chưa thể phục hồi nhanh và toàn diện.

##### **1.2 Tình hình kinh tế xã hội Việt Nam**

Bên cạnh những thành tựu đạt được (tốc độ tăng trưởng khá, hoạt động xuất khẩu tăng mạnh, công tác an sinh xã hội đạt được những kết quả tích cực...), nền kinh tế của Nước ta vẫn còn phải đối mặt với nhiều thách thức, đó là: tình trạng lạm phát và lãi suất cho vay vẫn ở mức cao; cam kết FDI giảm; dự trữ ngoại hối giảm mạnh, đồng nội tệ (VNĐ) là đồng tiền duy nhất ở Châu Á giảm giá so với USD; các kênh đầu tư biến động bất thường....

Những diễn biến nêu trên đã ảnh hưởng không nhỏ tới các doanh nghiệp trong việc vay vốn tín dụng để đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh nói riêng, các hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung, trong đó có Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP (PVFCCo).

##### **1.3 Những thuận lợi và khó khăn của PVFCCo trong năm 2011**

###### **a) Thuận lợi**

- Nhận được sự quan tâm và hỗ trợ hết sức kịp thời từ các cơ quan ban ngành địa phương, và đặc biệt là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong việc đảm bảo 100% nguồn khí đầu vào của nhà máy Đạm Phú Mỹ.
- Chất lượng và thương hiệu Đạm Phú Mỹ đã tạo được uy tín đối với bà con nông dân. Đồng thời, thị trường phân bón những tháng đầu năm 2011 diễn biến tương đối thuận lợi cho hoạt động SXKD của Tổng công ty.
- Sự thống nhất trong chỉ đạo điều hành của Ban lãnh đạo và tinh thần đoàn kết của tập thể CBCNV Tổng công ty. Đồng thời đội ngũ CBCNV đã trưởng thành và có kinh nghiệm thực tiễn sau hơn 7 năm vận hành Nhà máy Đạm Phú Mỹ.

###### **b) Khó khăn**

- Tác động chung từ những khó khăn của tình hình kinh tế xã hội năm 2011.
- Nhà máy vận hành đã 7 năm nên tiềm ẩn nhiều nguy cơ sự cố về máy móc, thiết bị.
- Giá khí nguyên liệu đầu vào dùng cho Nhà máy Đạm Phú Mỹ tăng từ 3,62 USD/Triệu BTU lên 4,59 USD/Triệu BTU, cộng hưởng với việc tăng tỷ giá USD khiến chi phí khí nguyên liệu tăng 34,7%.

#### **2. Đánh giá chung kết quả hoạt động kinh doanh của PVFCCo trong năm 2011**

Với vai trò là cơ quan quản lý Tổng công ty giữa 2 kỳ ĐHCĐ, HĐQT đánh giá tổng kết năm 2011, PVFCCo đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD mà ĐHCĐ và HĐQT đã giao, với các kết quả SXKD chính như sau:

- Doanh thu đạt 9.763 tỷ đồng, tương đương 139 % kế hoạch năm 2011, tăng 39 % so với doanh thu cùng kỳ năm 2010.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 3.510 tỷ đồng, tương đương 223% kế hoạch năm 2011, tăng 82% so với lợi nhuận trước thuế cùng kỳ năm 2010.

## **II. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Tổng công ty đương nhiệm gồm 5 thành viên, đã được bầu tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thành lập Công ty và chấp thuận bổ sung tại các nghị quyết thông qua lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản năm 2008 và bầu thay thế tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2009, bổ nhiệm thay thế vào đầu năm 2011.

### **II.1. Về các phiên họp của HĐQT**

Trong năm 2011, HĐQT đã làm việc chủ yếu thông qua các phiên họp định kỳ hàng tháng và bất thường, quyết định những nội dung quan trọng cụ thể sau đây:

#### **1. Quý 1/2011:**

- Phê duyệt và giao KH sản xuất, kinh doanh năm 2011 cho Tổng công ty;
- Bổ nhiệm thay thế 2 thành viên HĐQT và 1 Phó TGĐ;
- Thành lập Chi nhánh TCT tại TP.HCM; giải thể Công ty TNHH1TV Thương mại – Dịch vụ Phân bón và Hóa chất Dầu khí;
- Quyết định tạm dừng triển khai dự án sản xuất DAP tại Maroc;
- Bổ nhiệm người đại diện phần vốn tại các công ty con;
- Quyết định điều chỉnh giai đoạn 2 của dự án CO2 (Tổng công ty không đầu tư 100% dây chuyền sản xuất CO2 thực phẩm, và tìm kiếm đối tác để hợp tác đầu tư phân xưởng CO2 thực phẩm);
- Chỉ đạo triển khai áp dụng giai đoạn 1 hệ thống ERP.

#### **2. Quý 2/2011**

- Tổ chức phiên họp ĐHĐCĐ;
- Phê duyệt chủ trương nghiên cứu đầu tư dự án sản xuất Oxy già công suất dự kiến 30.000 tấn/năm;
- Phê duyệt quyết toán việc chuyển đổi các công ty TNHH1TV thành công ty cổ phần;
- Ban hành các quy chế: Quy chế quản lý hoạt động kinh doanh sản phẩm phân bón (sửa đổi); Quy chế người đại diện của Tổng công ty (sửa đổi); Quy chế quản lý tiền mặt, tiền gửi ngân hàng; Quy chế nâng bậc lương (sửa đổi);
- Chuyển đổi văn phòng đại diện tại Campuchia thành Chi nhánh TCT tại Campuchia;
- Điều chỉnh kế hoạch đấu thầu dự án NPK;
- Nghị quyết về việc triển khai nghiên cứu một số đề án về bảo hiểm nông nghiệp với PVI và nghiên cứu dự án NPK Nam Định;
- Phê duyệt hệ thống thang, bảng lương TCT;
- Phê duyệt điều chỉnh Tổng mức đầu tư dự án nhà văn phòng 43 Mạc Đĩnh Chi, Q.1. TPHCM;
- Thành lập Ban kiểm toán nội bộ thuộc HĐQT; Phê duyệt chủ trương và KH chọn đơn vị tư vấn hỗ trợ thiết lập bộ máy kiểm toán nội bộ;
- Quyết định tăng vốn đầu tư vào Công ty PVTEX (mua lại phần vốn từ PVFC), nâng tỷ lệ góp vốn lên 25%, tương ứng 499 tỷ đồng;

- Phê duyệt quyết toán hạng mục công trình hoàn thành thuộc dự án thu hồi CO2.

### 3. Quý 3/2011:

- Ban hành các quy chế: Quy chế quản lý tiền lương, tiền thưởng và chế độ chính sách đối với Người đại diện của Tổng công ty tại các đơn vị thành viên; Quy chế làm việc của Hội đồng Thi đua khen thưởng Tổng công ty; Quy chế trả lương, trả thưởng và phân phối quỹ phúc lợi;
- Chuyển trụ sở chính Tổng công ty về địa chỉ 43 Mạc Đĩnh Chi, P. Đa Kao, Quận 1, TPHCM;
- Chi tạm ứng cổ tức đợt 1/2011, tỷ lệ 10% mệnh giá cổ phiếu.

### 4. Quý 4/2011:

- Phê duyệt Quy hoạch hệ thống kho cảng của Tổng công ty;
- Phê duyệt kết quả đấu thầu EPC dự án NPK tại Phú Mỹ (không có nhà thầu trúng thầu);
- Ban hành các quy chế: Quy chế quản lý và sử dụng quỹ phát triển khoa học – công nghệ; Quy chế quản trị; Quy chế quản lý đầu tư xây dựng và mua sắm; Quy chế sử dụng và cung cấp dịch vụ;
- Điều chỉnh Kế hoạch đấu thầu gói thầu EPC dự án nhà máy sản xuất NPK;
- Phê duyệt kết quả đấu thầu tư vấn lập FS dự án Glyphosate;
- Thành lập Hội đồng Khoa học – Công nghệ Tổng công ty;
- Thông qua Chiến lược phát triển của các công ty thành viên.

## II.2. Về Công tác quản lý, giám sát hoạt động đối với Tổng giám đốc và bộ máy điều hành.

Các thành viên HĐQT tại Tổng công ty gồm Chủ tịch HĐQT, 03 thành viên chuyên trách, và 01 thành viên kiêm nhiệm (TGD) đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Điều hành thông qua:

- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành về việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hoặc về việc chuẩn bị các đề án, dự án để trình HĐQT;
- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp giao ban công tác định kỳ của Ban điều hành;
- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp của các Hội đồng giá sản phẩm, chính sách bán hàng, chính sách nhân viên, công tác tổ chức lao động, các cuộc họp về xây dựng và giao kế hoạch SXKD cho các đơn vị trực thuộc, báo cáo và kiểm điểm các công tác trọng điểm...;
- Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành SXKD, thông qua các báo cáo, văn bản của Ban điều hành gửi báo cáo HĐQT;
- Trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với Ban điều hành trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành SXKD.

Hội đồng quản trị đã được tổ chức hoạt động chuyên trách, HĐQT quyết định tập thể, có sự phân công nhiệm vụ cho các Ủy viên HĐQT theo từng lĩnh vực chuyên môn. Ngoài các phiên họp định kỳ, bất thường của HĐQT, HĐQT còn thường xuyên giao ban công việc hàng tuần, hàng tháng để kiểm tra, đánh giá công việc của HĐQT và giám sát việc thực hiện của ban điều hành đối các nghị quyết, quyết định của HĐQT trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

HĐQT đã hướng tới các chuẩn mực quản trị công ty cổ phần, thực tế qua mỗi năm đạt kết quả tốt hơn, đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định của pháp luật. Việc giám sát, đôn đốc, kiểm tra của HĐQT đã giúp Ban điều hành

tổ chức triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT kịp thời, hiệu quả giúp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty mỗi năm được phát triển ổn định và vượt các chỉ tiêu kế hoạch.

### **III.KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2012**

Theo nhận định của nhiều chuyên gia kinh tế, năm 2012 sẽ tiếp tục là một năm đầy khó khăn, thách thức đối với nền kinh tế Thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Năm 2012 cũng sẽ là năm đặt ra nhiều thách thức với PVFCCo. Thị trường phân đạm chính thức chuyển từ thiếu cung sang dư cung khi nhà máy Đạm Cà Mau và Đạm Ninh Bình đi vào hoạt động dẫn đến sức ép cạnh tranh trong nước ngày càng lớn. Giá khí đầu vào - nguồn nguyên liệu chính cho sản xuất Đạm Phú Mỹ tăng 40%, lên 6,43 USD/triệu BTU. Trước những khó khăn thách thức đó, Hội đồng quản trị PVFCCo sẽ nỗ lực phấn đấu trong công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp, để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ ĐHCĐ giao năm 2012, với nhiệm vụ kế hoạch dự kiến:

1. Chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 do ĐHCĐ thông qua;
2. Tăng cường công tác quản trị, xây dựng và áp dụng các mô hình quản lý sản xuất, sửa chữa bảo dưỡng, quản trị tiến tiến trên thế giới (ISO, OSHAS, ERP, ...) nhằm giảm thiểu rủi ro, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực doanh nghiệp;
3. Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro. Tiếp tục hoàn thiện bộ máy kiểm toán nội bộ theo hướng chuyên sâu, chuyên nghiệp và hiện đại;
4. Chỉ đạo hoàn thiện công tác lập quy hoạch, xây dựng chiến lược chức năng cho các mảng quan trọng như: hệ thống phân phối, sản phẩm mới, marketing và thương hiệu, ...;
5. Chỉ đạo tổ chức kinh doanh phân bón, đảm bảo hiệu quả; phối hợp chặt chẽ với PVCFC tổ chức tiêu thụ đạm Cà Mau; công tác tiếp thị và chuẩn bị thị trường cho sản phẩm phân bón NPK;
6. Chỉ đạo triển khai các dự án đầu tư, mua sắm đảm bảo hiệu quả, chất lượng, đúng tiến độ và tuân thủ các quy định của Tổng công ty, phù hợp với các quy định của Pháp luật hiện hành;
7. Củng cố và hoàn thiện hệ thống phân phối phân bón trong nước, tiến tới xây dựng hệ thống phân phối tại nước ngoài, trước mắt là tại Campuchia;
8. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển, sáng kiến cải tiến hợp lý hoá sản xuất kinh doanh nhằm đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ;
9. Đẩy mạnh công tác đầu tư phát triển, trong đó tập trung vào các dự án trọng điểm thuộc lĩnh vực sản xuất phân bón và hóa chất, hoặc các dự án nằm trong chuỗi giá trị và hỗ trợ lớn cho lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của PVFCCo phát triển;
10. Tiếp tục triển khai hoàn thiện công tác sắp xếp, tái cấu trúc theo định hướng và kế hoạch đã đề ra;
11. Tăng cường xây dựng, đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực quản lý doanh nghiệp và nhân lực có chuyên môn cao, đảm bảo đáp ứng yêu cầu phát triển của Tổng công ty và đòi hỏi của đối tác, khách hàng;
12. Tích cực xây dựng văn hóa và thương hiệu "PVFCCo" phù hợp với văn hóa và thương hiệu Dầu khí. Không ngừng chăm lo nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người lao động. Thực hiện các giải pháp khuyến khích để người lao động hăng say công hiến, phát huy trí lực, toàn tâm vì sự phát triển của Công ty;
13. Thực hiện các nhiệm vụ khác do ĐHCĐ giao.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Bùi Minh Tiến**

## **Phần 4 - BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011**

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

#### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã điều hành Tổng công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng quản trị**

Ông Bùi Minh Tiến	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 05 tháng 01 năm 2011)
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 05 tháng 01 năm 2011)
Bà Nguyễn Thị Hiền	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 08 tháng 02 năm 2011)
Ông Cao Hoài Dương	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 08 tháng 02 năm 2011)
Ông Phạm Đăng Nam	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 08 tháng 02 năm 2011)
Ông Bùi Quang Hưng	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Hòa	Ủy viên

##### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Cao Hoài Dương	Tổng giám đốc
Ông Từ Cường	Phó Tổng giám đốc
Ông Hoàng Việt Dũng	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2011)
Ông Nguyễn Đức Thành	Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2011)
Ông Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tòng	Phó Tổng giám đốc
Bà Chu Thị Hiền	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Vinh	Phó Tổng giám đốc

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty ở bất kỳ

thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

(đã ký, đóng dấu)

---

**Nguyễn Văn Tòng**  
**Phó Tổng giám đốc**  
Ngày 05 tháng 3 năm 2012

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi:**      **Các cổ đông**  
**Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng công ty"), từ trang 3 đến trang 32. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng giám đốc tại trang 1, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

(Đã ký, đóng dấu)

**Trần Đình Nghi Hạ**

**Phó Tổng giám đốc**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0288/KTV

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 05 tháng 3 năm 2012

Tp. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

(Đã ký)

**Phạm Văn Tân**

**Kiểm toán viên**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0401/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU B 01-DN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>6.041.065.689.804</b>	<b>4.825.585.314.646</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>4.070.456.552.343</b>	<b>3.748.457.003.885</b>
1. Tiền	111		295.456.552.343	241.082.663.003
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.775.000.000.000	3.507.374.340.882
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>202.000.000.000</b>	<b>58.500.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	202.000.000.000	58.500.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>464.355.369.431</b>	<b>249.941.896.115</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		155.810.424.409	81.200.353.415
2. Trả trước cho người bán	132		151.559.520.332	105.082.543.350
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	1.097.519.533
4. Các khoản phải thu khác	135	7	166.322.266.639	71.898.321.766
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(9.336.841.949)	(9.336.841.949)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>1.160.376.913.208</b>	<b>671.348.990.597</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.170.599.773.156	674.774.862.030
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10.222.859.948)	(3.425.871.433)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>143.876.854.822</b>	<b>97.337.424.049</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		13.029.055.831	11.434.197.470
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		119.527.971.996	69.575.598.716
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		304.805.911	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		11.015.021.084	16.327.627.863
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>3.254.096.938.186</b>	<b>2.592.991.072.194</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.236.412.726.375</b>	<b>1.719.011.531.824</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.217.649.752.564	899.119.226.532
- Nguyên giá	222		6.791.323.544.439	6.304.085.138.466
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.573.673.791.875)	(5.404.965.911.934)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	714.774.274.574	96.067.612.181
- Nguyên giá	228		896.988.754.023	267.944.208.238
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(182.214.479.449)	(171.876.596.057)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	303.988.699.237	723.824.693.111
<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>12</b>	<b>221.618.684.934</b>	<b>174.124.237.914</b>
- Nguyên giá	241		233.281.835.168	174.808.376.037
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(11.663.150.234)	(684.138.123)
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>502.220.263.326</b>	<b>370.702.872.939</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	458.628.905.405	27.111.515.018
2. Đầu tư dài hạn khác	258	15	43.591.357.921	343.591.357.921
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>293.845.263.551</b>	<b>329.152.429.517</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	279.019.910.904	312.947.856.747
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		14.662.058.447	15.310.889.844
3. Tài sản dài hạn khác	268		163.294.200	893.682.926
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>9.295.162.627.990</b>	<b>7.418.576.386.840</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>883.206.119.407</b>	<b>1.188.354.989.107</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>864.476.078.937</b>	<b>924.057.613.623</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	9.205.641.372	85.620.583.998
2. Phải trả cho người bán	312		323.540.578.949	416.918.064.870
3. Người mua trả tiền trước	313		12.012.772.578	50.107.014.681
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	106.975.226.211	82.058.550.255
5. Phải trả người lao động	315		89.278.373.094	52.998.893.642
6. Chi phí phải trả	316	19	199.235.356.613	187.269.781.984
7. Phải trả nội bộ	317		-	6.897.966.116
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		33.865.995.534	15.465.930.518
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		56.022.000	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		90.306.112.586	26.720.827.559
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>18.730.040.470</b>	<b>264.297.375.484</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		4.653.070.992	1.754.838.195
2. Vay và nợ dài hạn	334	20	-	246.087.577.105
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		9.123.440.123	10.289.578.433
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		4.868.527.582	6.045.381.751
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		85.001.773	120.000.000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>8.227.079.406.507</b>	<b>6.193.758.946.548</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>8.227.079.406.507</b>	<b>6.193.758.946.548</b>
1. Vốn điều lệ	411		3.800.000.000.000	3.800.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		977.787.044	257.121.998
3. Cổ phiếu quỹ	414		(83.961.341.647)	(83.277.130.627)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(74.411.767.146)	(3.530.148.052)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.420.380.501.371	849.893.623.484
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		494.715.910.705	341.712.214.445
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		554.153.469	342.595.703
8. Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.668.824.162.711	1.288.360.669.597
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>22</b>	<b>184.877.102.076</b>	<b>36.462.451.185</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>9.295.162.627.990</b>	<b>7.418.576.386.840</b>

(Đã ký, đóng dấu)

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Văn Tông**  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Ngày 05 tháng 3 năm 2012

(Đã ký)

\_\_\_\_\_  
**Huỳnh Kim Nhân**  
 Kế toán trưởng

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		9.278.861.379.142	6.648.640.613.834
2. Các khoản giảm trừ	02		52.327.770.303	29.856.615.416
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	24	9.226.533.608.839	6.618.783.998.418
4. Giá vốn hàng bán	11	24	5.191.254.632.483	4.236.094.827.903
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.035.278.976.356	2.382.689.170.515
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	526.679.442.074	343.091.652.535
7. Chi phí tài chính	22	27	74.038.067.805	81.034.462.821
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>27.900.441.399</i>	<i>8.349.710.449</i>
8. Chi phí bán hàng	24		492.836.265.735	331.845.387.469
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		502.603.306.568	409.858.160.584
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		3.492.480.778.322	1.903.042.812.176
11. Thu nhập khác	31		9.447.874.142	36.976.544.576
12. Chi phí khác	32		2.192.187.845	23.189.419.751
13. Lợi nhuận khác	40		7.255.686.297	13.787.124.825
14. Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết	45		10.503.381.175	4.811.771.816
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.510.239.845.794	1.921.641.708.817
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	369.042.805.384	227.514.762.210
17. Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại	52		584.880.162	(12.742.158.051)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.140.612.160.248	1.706.869.104.658
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		36.318.726.268	3.693.114.240
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		3.104.293.433.980	1.703.175.990.418
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	8.288	4.499

(Đã ký, đóng dấu)

**Nguyễn Văn Tông**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Ngày 05 tháng 3 năm 2012

(Đã ký)

**Huỳnh Kim Nhân**  
**Kế toán trưởng**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU B 03-DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>3.510.239.845.794</b>	<b>1.921.641.708.817</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	190.196.427.163	687.289.914.263
Các khoản dự phòng	03	6.796.988.515	12.640.667.018
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	10.065.177.076
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(529.728.699.362)	(336.133.158.164)
Chi phí lãi vay	06	27.900.441.399	8.349.710.449
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>3.205.405.003.509</b>	<b>2.303.854.019.459</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(134.819.285.194)	682.311.075.305
Tăng hàng tồn kho	10	(495.824.911.126)	(103.524.001.292)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả	11	(27.994.337.978)	422.034.550.219
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	32.333.087.482	(11.134.545.308)
Tiền lãi vay đã trả	13	(27.900.441.399)	(741.113.951)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(359.489.042.056)	(263.335.917.897)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	128.451.200.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(195.495.058.471)	(88.261.697.835)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>2.124.666.214.767</b>	<b>2.941.202.368.700</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(781.684.768.892)	(992.475.769.486)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	205.570.669	12.295.946.922
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(143.500.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	30.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(309.000.000.000)	(616.059.797.280)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	492.205.217.530	330.800.873.221
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(711.773.980.693)</b>	<b>(1.265.438.746.623)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(14.180.236.055)	(39.981.041.328)
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	166.650.500.511	126.129.516.996
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(489.153.020.242)	(49.507.553.519)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(753.064.360.000)	(870.072.707.300)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.089.747.115.786)</b>	<b>(833.431.785.151)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>323.145.118.288</b>	<b>842.331.836.926</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>3.748.457.003.885</b>	<b>2.906.125.166.959</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.145.569.830)	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4.070.456.552.343</b>	<b>3.748.457.003.885</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi để mua tài sản cố định trong năm không bao gồm 72.927.159.793 đồng là số tiền mua sắm tài sản cố định chưa được thanh toán, và bao gồm 44.141.948.337 đồng là giá trị tài sản mua năm trước nhưng thanh toán trong năm nay và 63.156.046.391 đồng là tiền ứng trước để mua tài sản cố định trong năm sau. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần các khoản phải trả và các khoản phải thu.

Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác bao gồm 80.000.000.000 đồng là số tiền tạm ứng vốn điều lệ cho Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC Mekong) để thực hiện dự án xây dựng Tòa nhà Cao ốc Bạc Liêu theo Thông báo số 8606/TB-DKVN ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam, khoản tạm ứng vốn điều lệ này đang được Tổng Công ty theo dõi trên khoản mục “Các khoản phải thu khác” trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất. Theo đó, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần (Tăng)/Giảm các khoản phải thu.

Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành bao gồm 13.496.025.035 đồng là số tiền đã ứng trước cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để mua cổ phiếu quỹ của Tổng công ty, khoản ứng trước tiền mua cổ phiếu quỹ này đang được Tổng công ty theo dõi trên khoản mục “Trả trước cho người bán” trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất. Theo đó, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần (Tăng) /Giảm các khoản phải thu.

(đã ký và đóng dấu)

(đã ký)

---

**Nguyễn Văn Tông**  
**Phó Tổng giám đốc**  
Ngày 05 tháng 3 năm 2012

---

**Huỳnh Kim Nhân**  
**Kế toán trưởng**

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Bùi Minh Tiến	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 05 tháng 01 năm 2011)
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 05 tháng 01 năm 2011)
Bà Nguyễn Thị Hiền	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 08 tháng 02 năm 2011)
Ông Cao Hoài Dương	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 08 tháng 02 năm 2011)
Ông Phạm Đăng Nam	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 08 tháng 02 năm 2011)
Ông Bùi Quang Hưng	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Hòa	Ủy viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Cao Hoài Dương	Tổng giám đốc
Ông Từ Cường	Phó Tổng giám đốc
Ông Hoàng Việt Dũng	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2011)
Ông Nguyễn Đức Thành	Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2011)
Ông Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tòng	Phó Tổng giám đốc
Bà Chu Thị Hiền	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Vinh	Phó Tổng giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

---

**Nguyễn Văn Tông**  
**Phó Tổng giám đốc**

Ngày 05 tháng 3 năm 2012

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi:**      **Các cổ đông**  
**Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc**  
**Tổng công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 26. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng giám đốc tại trang 1, Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Như đã trình bày ở Thuyết minh số 2 và 4 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo được lập chỉ nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Đây là báo cáo tài chính riêng, nên Công ty đã hạch toán các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết theo phương pháp giá gốc.

(đã ký và đóng dấu)

**Trần Đình Nghi Hạ**

**Phó Tổng giám đốc**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0288/KTV

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 05 tháng 3 năm 2012

(đã ký)

**Phạm Văn Tân**

**Kiểm toán viên**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0401/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>5.464.356.634.668</b>	<b>3.844.444.364.716</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>3.633.780.353.239</b>	<b>2.876.483.097.099</b>
1. Tiền	111		258.780.353.239	88.483.097.099
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.375.000.000.000	2.788.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>202.000.000.000</b>	<b>25.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	202.000.000.000	25.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>478.597.862.736</b>	<b>291.992.118.625</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		209.522.866.280	14.684.146.491
2. Trả trước cho người bán	132		119.856.679.429	105.466.633.264
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	105.647.033.838
4. Các khoản phải thu khác	135	7	158.555.158.976	66.377.346.981
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(9.336.841.949)	(183.041.949)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>1.021.525.646.645</b>	<b>568.339.288.553</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.028.619.849.295	568.339.288.553
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.094.202.650)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>128.452.772.048</b>	<b>82.629.860.439</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		11.838.427.664	10.351.032.143
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		113.211.738.860	61.542.163.173
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.402.605.524	10.736.665.123
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>3.590.872.373.635</b>	<b>3.297.663.668.488</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.981.355.639.587</b>	<b>1.498.868.700.324</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.059.679.571.214	761.321.147.926
- Nguyên giá	222		6.566.922.568.601	6.134.127.922.277
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.507.242.997.387)	(5.372.806.774.351)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	627.804.437.666	27.555.900.904
- Nguyên giá	228		809.684.068.355	199.325.526.875
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(181.879.630.689)	(171.769.625.971)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	293.871.630.707	709.991.651.494
<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>12</b>	<b>308.492.302.434</b>	<b>260.997.855.414</b>
- Nguyên giá	241		322.137.485.168	263.664.026.037
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(13.645.182.734)	(2.666.170.623)
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.029.048.157.921</b>	<b>1.226.251.357.921</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	466.456.800.000	892.660.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	519.000.000.000	20.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	15	43.591.357.921	313.591.357.921
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>271.976.273.693</b>	<b>311.545.754.829</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	260.021.060.620	296.600.179.592
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	11.823.362.873	14.813.075.437
3. Tài sản dài hạn khác	268		131.850.200	132.499.800
<b>TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>9.055.229.008.303</b>	<b>7.142.108.033.204</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>817.255.753.520</b>	<b>1.039.824.634.016</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>803.920.238.961</b>	<b>778.752.651.382</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	82.029.192.368
2. Phải trả người bán	312		335.512.607.275	347.493.535.145
3. Người mua trả tiền trước	313		14.581.571.175	19.639.300.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	88.609.868.041	47.852.850.247
5. Phải trả người lao động	315		80.014.768.234	43.123.221.554
6. Chi phí phải trả	316	19	157.644.838.303	182.976.389.083
7. Phải trả nội bộ	317		-	20.719.981.292
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		50.859.750.751	12.460.169.186
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		76.696.835.182	22.458.012.507
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>13.335.514.559</b>	<b>261.071.982.634</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	20	-	246.087.577.105
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		8.466.986.977	9.444.356.903
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		4.868.527.582	5.540.048.626
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>8.237.973.254.783</b>	<b>6.102.283.399.188</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>8.237.973.254.783</b>	<b>6.102.283.399.188</b>
1. Vốn điều lệ	411		3.800.000.000.000	3.800.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	414		(83.961.341.647)	(83.277.130.627)
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(835.361.854)	310.231.342
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.407.397.263.345	835.237.972.349
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		488.321.761.273	333.085.317.442
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.627.050.933.666	1.216.927.008.682
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>9.055.229.008.303</b>	<b>7.142.108.033.204</b>

(đã ký và đóng dấu)

**Nguyễn Văn Tòng**  
**Phó Tổng giám đốc**

Ngày 05 tháng 3 năm 2012

(đã ký)

**Huyền Kim Nhân**  
**Kế toán trưởng**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU B 02-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>7.655.679.058.679</b>	<b>4.776.554.836.067</b>
2. Các khoản giảm trừ	02		53.659.186.136	40.946.100.937
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>22</b>	<b>7.602.019.872.543</b>	<b>4.735.608.735.130</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	22	3.798.294.922.197	2.596.760.833.227
<b>5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>3.803.724.950.346</b>	<b>2.138.847.901.903</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	598.035.818.598	356.304.242.378
7. Chi phí tài chính	22	25	68.794.763.342	79.986.692.661
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>25.377.064.463</i>	<i>7.633.940.298</i>
8. Chi phí bán hàng	24		461.540.749.528	298.770.119.631
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		441.512.649.319	329.949.510.920
<b>10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=(20+21)-22-24-25)</b>	<b>30</b>		<b>3.429.912.606.755</b>	<b>1.786.445.821.069</b>
11. Thu nhập khác	31		24.678.833.123	13.232.506.903
12. Chi phí khác	32		13.714.591.305	2.698.533.388
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>10.964.241.818</b>	<b>10.533.973.515</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>3.440.876.848.573</b>	<b>1.796.979.794.584</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	317.708.671.428	176.936.737.983
16. Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại	52		2.989.712.564	(12.779.656.650)
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>3.120.178.464.581</b>	<b>1.632.822.713.251</b>

(đã ký và đóng dấu)

---

**Nguyễn Văn Tòng**  
**Phó Tổng giám đốc**  
 Ngày 05 tháng 3 năm 2012

(đã ký)

---

**Huỳnh Kim Nhân**  
**Kế toán trưởng**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU B 03-DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	<b>3.440.876.848.573</b>	<b>1.796.979.794.584</b>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	172.114.953.111	673.180.983.042
Các khoản dự phòng	03	7.094.202.650	60.995.585
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	10.065.177.076
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(594.859.433.769)	(262.610.144.144)
Chi phí lãi vay	06	25.377.064.463	7.633.940.298
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<b>08</b>	<b>3.050.603.635.028</b>	<b>2.225.310.746.441</b>
(Tăng) các khoản phải thu	09	(57.354.403.986)	(144.041.136.225)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(460.280.560.742)	(21.556.902.730)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả	11	(27.974.286.308)	349.694.799.167
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	35.091.723.451	(5.185.542.375)
Tiền lãi vay đã trả	13	(25.377.064.463)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(280.618.701.902)	(236.371.210.251)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	6.687.287.644	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(173.128.042.095)	(101.020.146.709)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>2.067.649.586.627</b>	<b>2.066.830.607.318</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(730.632.653.197)	(757.597.161.880)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	-	165.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(177.000.000.000)	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(361.798.800.000)	(106.539.115.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	502.908.424.557	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	552.677.656.877	286.313.394.634
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(213.845.371.763)</b>	<b>(577.657.882.246)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(14.180.236.055)	(39.981.041.328)
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	101.077.418.222
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(328.116.769.473)	-
4. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(753.064.360.000)	(870.072.707.300)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.095.361.365.528)</b>	<b>(808.976.330.406)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>758.442.849.336</b>	<b>680.196.394.666</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>2.876.483.097.099</b>	<b>2.196.286.702.433</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.145.593.196)	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>3.633.780.353.239</b>	<b>2.876.483.097.099</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi để mua tài sản cố định trong năm không bao gồm 85.257.649.151 đồng là số tiền mua sắm tài sản cố định chưa được thanh toán, và bao gồm 44.141.948.337 đồng là giá trị tài sản mua năm trước nhưng thanh toán trong năm nay và 57.795.494.652 đồng là tiền ứng trước để mua tài sản cố định trong năm sau. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần các khoản phải trả, và các khoản phải thu.

**Thông tin khác**

Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác bao gồm 80.000.000.000 đồng là số tiền tạm ứng vốn điều lệ cho Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC Mekong) để thực hiện dự án xây dựng Tòa nhà Cao ốc Bạc Liêu theo Thông báo số 8606/TB-DKVN ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam, khoản tạm ứng vốn điều lệ này đang được Công ty theo dõi trên khoản mục “Các khoản phải thu khác” trên Bảng Cân đối kế toán. Theo đó, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần (Tăng) các khoản phải thu.

Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành bao gồm 13.496.025.035 đồng là số tiền đã ứng trước cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để mua cổ phiếu quỹ của Công ty, khoản ứng trước tiền mua cổ phiếu quỹ này đang được Công ty theo dõi trên khoản mục “Trả trước cho người bán” trên Bảng Cân đối kế toán. Theo đó, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần (Tăng) các khoản phải thu.

(đã ký và đóng dấu)

(đã ký)

---

**Nguyễn Văn Tòng**  
**Phó Tổng giám đốc**  
Ngày 05 tháng 3 năm 2012

---

**Huỳnh Kim Nhân**  
**Kế toán trưởng**

## Phần 5 - TỜ TRÌNH VỀ PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông  
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP

Căn cứ quy định tại Điều 13 của Điều lệ Tổng công ty về quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí -CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua Phương án phân phối lợi nhuận với nội dung như sau:

### 1. Đề xuất thực hiện Phương án phân phối lợi nhuận năm 2011:

\* Tại cuộc họp thường niên năm 2011, ĐHCĐ đã chấp thuận kế hoạch phân phối lợi nhuận 2011 của Tổng công ty như sau:

- Chi cổ tức: 15% mệnh giá cổ phiếu

- Trích quỹ: quỹ dự phòng tài chính 10% lợi nhuận sau thuế (LNST), quỹ đầu tư phát triển 35% LNST, và quỹ khen thưởng - phúc lợi 8% LNST.

- Trường hợp lợi nhuận thực hiện năm 2011 vượt kế hoạch năm, cho phép Tổng công ty được trích bổ sung Quỹ khen thưởng với các mức lũy tiến như sau: Vượt kế hoạch đến 10%, được trích 5% phần lợi nhuận vượt đó; vượt kế hoạch từ trên 10% đến 20%, được trích 10% phần lợi nhuận vượt đó; vượt kế hoạch trên 20%, được trích 15% phần lợi nhuận vượt đó.

\* Với tình hình kết quả sản xuất kinh doanh năm 2011 thực hiện có sự tăng trưởng mạnh, vượt xa kế hoạch, PVFCCo cân đối hài hòa quyền lợi của doanh nghiệp và người lao động để đề xuất thực hiện phương án như sau:

- Chi cổ tức: 35% mệnh giá cổ phần bằng tiền (thay vì 15% theo kế hoạch)

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 35% LNST theo kế hoạch

- Trích quỹ dự phòng tài chính: 10% LNST (theo kế hoạch)

- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 8% LNST (theo kế hoạch)

- Việc trích thưởng bổ sung từ LNST vượt kế hoạch: Tổng công ty không trích theo 3 mức lũy tiến theo kế hoạch đã được ĐHCĐ phê duyệt và không căn cứ vào lợi nhuận kế hoạch của 2011, mà đề xuất trích bổ sung quỹ khen thưởng trên phần LNST thực hiện năm 2011 vượt so với LNST thực hiện năm 2010 và chỉ theo mức thấp nhất trong 3 mức lũy tiến, là 5% trên phần LNST 2011 vượt so với LNST thực hiện năm 2010.

Phương án phân phối lợi nhuận chi tiết như bảng sau:

DVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Diễn giải công thức tính	Phân phối lợi nhuận năm 2011
1	Lợi nhuận năm 2010 chuyển sang		31.073.168.389
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2011 dùng để phân phối		3.120.178.464.581
3	Trích lập các quỹ từ LNST 2011	$(3=3.1+3.2+3.3+3.4)$	1.728.062.373.794
3.1	Trích quỹ dự phòng tài chính	$(3.1=2*10\%)$	312.017.846.458
3.2	Trích quỹ đầu tư phát triển	$(3.2=2*35\%)$	1.092.062.462.603
3.3	Trích quỹ KT-PL, thưởng ban quản lý, điều hành Tổng công ty	$(3.3=2*8\%)$	249.614.277.166
3.4	Trích bổ sung quỹ khen thưởng phần lợi nhuận sau thuế 2011 vượt so với thực hiện năm 2010	$(3.4=(3.120 \text{ tỷ} - 1.632 \text{ tỷ})*5\%)$	74.367.787.567

Stt	Chỉ tiêu	Diễn giải công thức tính	Phân phối lợi nhuận năm 2011
4	Lợi nhuận còn lại năm 2011 sau khi trích lập các quỹ	(4=2-3)	1.392.116.090.787
5	Tổng lợi nhuận để lại năm 2009, 2010 và 2011	(5=1+4)	1.423.189.259.176
6	Chia cổ tức	(6=(380tr-2.3tr)*10000*35%)	1.321.667.200.000
	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (VNĐ/CP)		3.500
7	Lợi nhuận chuyển sang năm 2012	(7=5-6)	101.522.059.176

## 2. Dự kiến phân phối lợi nhuận kế hoạch năm 2012:

- Chi cổ tức bằng tiền mặt, tỷ lệ dự kiến: **25%**/mệnh giá cổ phiếu.
- Tỷ lệ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Quỹ Dự phòng tài chính (5%), Quỹ đầu tư phát triển (40%) và Quỹ khen thưởng - phúc lợi (8%)
- Trường hợp lợi nhuận 2012 thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch được giao, cho phép Tổng công ty được trích bổ sung Quỹ khen thưởng với mức như sau: 10% trên phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Bùi Minh Tiến**

## **Phần 6 - BÁO CÁO LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2011 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2012**

### **I. BÁO CÁO THỰC HIỆN NĂM 2011:**

Căn cứ kế hoạch Tiền lương, thù lao, các lợi ích khác của HĐQT, BKS năm 2011 đã trình ĐHĐCĐ 2011 thông qua, Tổng công ty báo cáo tình hình thực hiện quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng và thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2011 như sau:

#### **1- Hội đồng quản trị:**

- Tiền lương là:	4.138.697.607đ
- Tiền thưởng và thu nhập khác là:	2.592.126.228đ
<b>Cộng</b>	<b>6.730.823.835đ</b>

#### **2- Ban Kiểm soát:**

- Tiền lương là:	1.063.117.794đ
- Tiền thưởng và thu nhập khác là:	528.764.349đ
<b>Cộng</b>	<b>1.591.882.143đ</b>

**Tổng cộng: 8.322.705.979đ**

*(Tám tỷ ba trăm hai hai triệu bảy trăm lẻ năm ngàn chín trăm bảy chín đồng)*

### **II. KẾ HOẠCH NĂM 2012:**

Căn cứ quỹ tiền lương, thù lao, các lợi ích khác của HĐQT, BKS thực hiện năm 2011 và kế hoạch SXKD năm 2012, Tổng công ty xây dựng kế hoạch tiền lương, thù lao, các lợi ích khác của HĐQT, BKS năm 2012 như sau:

#### **1- Hội đồng quản trị:**

- Tiền lương của HĐQT là :	3.100.358.000đ
- Tiền thưởng và thu nhập khác là:	<u>1.631.600.000đ</u>
<b>Cộng</b>	<b>4.731.958.000đ</b>

- Dự phòng 10% là :	<u>473.196.000đ</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.205.154.000đ</b>

#### **2- Ban Kiểm soát:**

- Tiền lương, thù lao của Ban KS là :	870.632.000đ
- Tiền thưởng và thu nhập khác là:	<u>375.200.000đ</u>
<b>Cộng :</b>	<b>1.245.832.000đ</b>

- Dự phòng 10% là:	<u>124.583.000đ</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.370.415.000đ</b>

**Tổng cộng kế hoạch năm 2012 : 6.575.569.000đ**

*(sáu tỷ năm trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi chín ngàn đồng)*

Kính báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Bùi Minh Tiến**

## **Phần 7- BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ TỜ TRÌNH VỀ VIỆC LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN**

### **I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

#### *Căn cứ*

- Luật Doanh nghiệp năm 2005;
- Điều lệ hoạt động của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí;
- Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí

#### **1. Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2011**

- Sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011.
- Xây dựng và ban hành kế hoạch hoạt động năm 2011. Ban kiểm soát đã họp định kỳ theo quy định và hoạt động theo kế hoạch đã ban hành.
- Trong năm 2011, Ban kiểm soát đã kết hợp cùng với các Ban chức năng của Tổng công ty thực hiện kiểm tra giám sát thường xuyên và định kỳ việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; việc tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy chế/quy định của Tổng công ty.
- Ban kiểm soát đã giám sát công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc; kiểm tra tính hợp lý, trung thực trong công tác tài chính - kế toán; giám sát công tác quyết toán các công trình đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành đưa vào sử dụng; giám sát việc bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông một cách an toàn và hiệu quả.

#### **2. Kết quả giám sát tình hình hoạt động Tổng công ty**

- Tổng công ty đã hoàn thành việc sửa đổi Điều lệ và chuyển trụ sở về 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.
- Tổng công ty đã cơ bản hoàn thành giai đoạn I của Dự án ERP và quyết định tiếp tục triển khai giai đoạn II. Công tác quản trị rủi ro cũng đã được quan tâm và triển khai thực hiện với phạm vi rộng hơn. Với sự hỗ trợ từ KPMG, Tổng công ty đã xác định được các rủi ro chính yếu và đang triển khai thực hiện quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn quốc tế.
- Tổng công ty đã xây dựng Đề án tăng cường quan hệ Nhà đầu tư (IR), thành lập Tổ IR để thực hiện công tác IR một cách chuyên nghiệp nhằm đảm bảo thông tin chính xác, kịp thời, minh bạch giữa Tổng công ty và Nhà đầu tư.
- Công tác vận hành nhà máy đạm Phú Mỹ được duy trì an toàn và đạt hiệu suất cao, không xảy ra tai nạn và sự cố nghiêm trọng. Từ ngày 15/5 đến 14/6/2011, Nhà máy đạm Phú Mỹ đã dừng máy để thực hiện thành công công tác bảo dưỡng – sửa chữa lớn 456 hạng mục.
- Trong năm 2011, Tổng công ty đã thay đổi chính sách bán hàng và điều chỉnh giá bán linh hoạt sát giá thị trường. Tổng công ty đã duy trì và củng cố hệ thống phân phối phân bón trong nước; tìm kiếm và mở rộng thị phần thông qua việc nghiên cứu xây dựng hệ thống phân phối tại thị trường các nước trong khu vực (Campuchia, Lào, Myanmar, Thái Lan).
- Thực hiện mua 28.540 cổ phiếu quỹ trị giá 684.365.010 đồng từ nguồn lợi nhuận năm 2010 để lại theo phương thức giao dịch khớp lệnh trên sàn giao dịch chứng khoán.
- Tổng công ty đã chia cổ tức đợt 2 năm 2010 là 1.000 đồng/cổ phần theo phương án phân phối lợi nhuận được Đại hội đồng cổ đông năm 2011 thông qua. Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2011 là 1.000 đồng/cổ phần.



- Kết thúc năm 2011, Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chính, kết quả cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2011	Thực hiện 2011	So sánh TH/KH
<b>I</b>	<b>Sản xuất</b>			
1	Urê Phú mỹ (tấn)	770.000	801.852	104%
2	Bao bì (triệu bao)	28,3	32,563	115%
<b>II</b>	<b>Kinh doanh</b>			
1	Urê Phú mỹ (tấn)	800.000	752.497	94%
2	Bao bì (triệu bao)	28,3	34,074	120%
3	XNK phân bón, kinh doanh hóa chất và sản phẩm khác (tấn)	320.000	310.079	97%
<b>III</b>	<b>Tài chính</b>			
1	Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	3.800	3.800	100%
2	Doanh thu (tỷ VNĐ)	7.000	9.763	139,5%
3	Lợi nhuận trước thuế (tỷ VNĐ)	1.570	3.510	223,5%
4	Lợi nhuận sau thuế (tỷ VNĐ)	1.430	3.140	219,5%
	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ (tỷ VNĐ)	-	3.104	-
5	Nộp ngân sách (tỷ VNĐ)	304	537	176,6%

### 3. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính đã phản ánh đầy đủ, trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại thời điểm 31/12/2011 của Tổng công ty; tuân thủ theo chế độ và chuẩn mực kế toán do Bộ tài chính ban hành.

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đã được lựa chọn và thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011; Ban kiểm soát nhất trí với các ý kiến của công ty kiểm toán.

Tình hình tài chính của Tổng công ty lành mạnh và được công bố minh bạch.

### 4. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của HĐQT, Ban TGD:

Hội đồng quản trị Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí gồm 4 thành viên chuyên trách và 1 thành viên kiêm nhiệm. Hội đồng quản trị Tổng công ty làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số quá bán. Các thành viên Hội đồng quản trị đã được phân công nhiệm vụ cụ thể và thực thi nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm. HĐQT đã tổ chức họp định kỳ tháng, họp đột xuất và lấy ý kiến bằng văn bản để quyết nghị các vấn đề chính yếu của Tổng công ty một cách kịp thời (nội dung chi tiết đã được nêu tại Báo cáo của Hội đồng quản trị).

Ban Tổng giám đốc đã quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty tuân thủ đúng Điều lệ doanh nghiệp và quy định của luật pháp; phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và mang lại lợi ích cho cổ đông. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, Ban Tổng giám đốc đã duy trì hệ thống quản lý tích hợp bao gồm ISO 9001:2008, OHSAS 18001:2007 và ISO 14001: 2004 để các hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo an toàn và đạt hiệu quả cao.

### 5. Kiến nghị

Để đảm bảo sự tăng trưởng bền vững, nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổng công ty và phù hợp với điều kiện thực tế, Ban kiểm soát có một số kiến nghị sau:

- Đề nghị Tổng công ty tiếp tục tăng cường công tác tái cấu trúc theo hướng tinh gọn, hiệu quả phù hợp với điều kiện thực tế và Chiến lược phát triển của TCT. Đề nghị tiếp tục phân cấp, phân quyền rõ ràng và cải cách thủ tục hành chính.
- Về công tác đầu tư xây dựng cơ bản: tiếp tục rà soát và hoàn thiện công tác chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản đúng tiến độ, đúng quy hoạch đã được phê duyệt.
- Tại thời điểm 31/12/2011, các khoản tiền và tương đương tiền của Tổng công ty rất lớn. Đề nghị Tổng công ty nhanh chóng nghiên cứu và triển khai các dự án có hiệu quả kinh tế để đảm bảo sự tăng trưởng bền vững và tập trung các nguồn lực vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính.
- Năm 2011, Nhà máy đạm Phú Mỹ liên tục vận hành cao tải và tiềm ẩn nhiều nguy cơ về sự cố máy móc thiết bị. Đề nghị Tổng công ty nghiên cứu các giải pháp để có phương án vận hành, bảo dưỡng nhà máy Đạm phú mỹ an toàn hiệu quả, kéo dài tuổi thọ của máy móc thiết bị.
- Đề nghị Tổng công ty thường xuyên thống kê lượng tiêu hao, hao hụt thực tế làm cơ sở khoa học để cập nhật, điều chỉnh/bổ sung sửa đổi kịp thời các định mức hao hụt, định mức tiêu hao vật tư, hóa chất, nguyên nhiên vật liệu, năng lượng sát/tiết cận nhất với thực tế vận hành và sản xuất kinh doanh. Đề nghị xây dựng định mức hao hụt urê rời tồn kho tại Nhà máy đạm Phú Mỹ.
- Đề nghị Tổng công ty khẩn trương nghiên cứu và thực hiện các giải pháp để nâng cao chất lượng sản phẩm Urê Phú Mỹ để duy trì thị phần trong môi trường kinh doanh mang tính cạnh tranh cao.
- Để đảm bảo hoàn thành kế hoạch kinh doanh 2012, đề nghị Tổng công ty sớm xây dựng chính sách chiết khấu mới phù hợp với tình hình thị trường cung vượt cầu.

## II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2012 CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và các quy chế/quy định nội bộ.
- Giám sát công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.
- Giám sát việc bảo toàn và phát triển vốn.
- Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo về hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo đánh giá công tác quản lý.
- Giám sát, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí.
- Thực hiện các cuộc kiểm tra (khi cần thiết).
- Tham gia các khóa đào tạo để nâng cao trình độ.

## III. ĐỀ XUẤT LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012

Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 14 về quyền của Đại hội đồng cổ đông, quy định tại Khoản 1 Điều 36 Điều lệ Tổng công ty về quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát;

Căn cứ vào hồ sơ năng lực của **Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**;

Để đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về việc công bố thông tin theo quy định hiện hành;

Ban Kiểm soát Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn **Công ty TNHH Deloitte Việt Nam** thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 với mức phí kiểm toán không quá **65.000 USD**.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

**Trần Thị Phương Thảo**

## **Phần 8 – TỜ TRÌNH VỀ CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ VÀO DỰ ÁN NHÀ MÁY ĐẠM CÀ MAU**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông  
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP

*Căn cứ Chiến lược phát triển Tổng công ty đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2025 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;*

*Căn cứ thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;*

*Xét nhu cầu đầu tư phát triển của Tổng công ty,*

Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua chủ trương cho Tổng công ty đầu tư vào dự án nhà máy đạm Cà Mau với những vấn đề chính như sau:

- PVFCCo mua 51% dự án Nhà máy đạm Cà Mau hiện tại do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) là chủ đầu tư, theo hình thức mua dự án và PVN, PVFCCo sẽ tổ chức thực hiện việc quản lý, vận hành, kinh doanh sản phẩm của Nhà máy Đạm Cà Mau theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC), trong đó PVN ủy quyền cho PVFCCo trực tiếp quản lý và điều hành hợp danh (không thành lập pháp nhân mới).
- Giá trị dự án: Theo thỏa thuận giữa PVFCCo và PVN và căn cứ vào kết quả thẩm định giá của đơn vị thẩm định độc lập, không vượt quá 779 triệu USD.
- Trường hợp giá trị dự án theo đàm phán và định giá thấp hơn 779 triệu USD, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT PVFCCo quyết định đầu tư và triển khai thực hiện. Trong trường hợp giá trị dự án vượt mức 779 triệu USD, PVFCCo sẽ trình ĐHĐCĐ phê duyệt theo quy định.
- Tiến độ thanh toán: PVN thỏa thuận và đồng ý tiến độ thanh toán tiền chuyển nhượng 51% dự án ĐCM của PVFCCo theo 2 đợt, năm 2012 thanh toán 75% và năm 2013 thanh toán phần còn lại (25%).

Trong trường hợp chủ trương nêu trên được ĐHĐCĐ thông qua, Tổng công ty sẽ làm việc với PVN và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiếp tục triển khai theo các thủ tục quy định.

(Thông tin về Dự án: xem tài liệu trang tiếp theo).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Bùi Minh Tiến**

## THÔNG TIN CHÍNH VỀ DỰ ÁN NHÀ MÁY ĐẠM CÀ MAU

### I. Thông tin tổng quan về dự án

Thông tin	Dự án Nhà máy đạm Cà Mau
Chủ đầu tư	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)
Địa điểm	Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, diện tích khoảng 62 ha
Quản lý dự án	Ban quản lý dự án cụm Khí – Điện – Đạm Cà Mau thuộc PVN
Nhà thầu EPC	Tổ hợp Nhà thầu WEC - CMC (Trung Quốc)
Nhà thầu tư vấn quản lý dự án	Tập đoàn SNC Lavalin (Bi)
Nhà thầu cung cấp chứng chỉ đăng kiểm quốc tế	Tập đoàn Bureau Veritas (Pháp)
Tổng vốn đầu tư dự kiến	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Theo quyết định phê duyệt dự án đầu tư của Thủ tướng Chính phủ là 900,2 triệu USD.</li> <li>▪ Theo dự toán được phê duyệt khi triển khai thực hiện đầu tư: điều chỉnh giảm xuống 779,25 triệu USD (2008 - 2012).</li> </ul>
Cơ cấu vốn	Tỷ lệ vốn tự có/vốn vay xấp xỉ 30% / 70%
Công nghệ chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Công nghệ sản xuất Ammonia của Haldor Topsoe SA - Đan Mạch.</li> <li>▪ Công nghệ sản xuất urê của SAIPEM - Italy.</li> <li>▪ Công nghệ về viên tạo hạt của Toyo Engineering Corp - Nhật Bản.</li> </ul>
Thiết bị chính	Hầu hết các thiết bị chính, quan trọng đều được chế tạo và có xuất xứ từ các nước EU/G7
Nguồn khí nguyên liệu	Khí từ lô PM3 - CAA, mỏ Cái Nước thuộc vùng biển Tây nam Việt Nam.
Sản phẩm	Phân urê hạt đục
Công suất	800.000 tấn/năm ~ 2.350 tấn/ngày
Các ưu đãi của Chính phủ đối với dự án	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Miễn thuế nhập khẩu cho các loại hàng hóa để tái tạo tài sản cố định của dự án.</li> <li>▪ Miễn thuế nhập khẩu của các thiết bị và máy móc, phương tiện vận tải, linh kiện vật tư, phụ tùng, nguyên liệu vật tư dùng để chế tạo thiết bị.</li> <li>▪ Miễn thuế nhập khẩu nguyên liệu, hóa chất... trong 5 năm vận</li> </ul>

Thông tin	Dự án Nhà máy đạm Cà Mau
	<p>hành đầu tiên.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu có hoạt động sản xuất kinh doanh, miễn thuế TNDN trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo.</li> <li>▪ Thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây chuyền công nghệ và vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để tạo tài sản cố định thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.</li> <li>▪ Dây chuyền thiết bị, máy móc đồng bộ nhập khẩu thuộc diện không chịu thuế GTGT nhưng trong dây chuyền đồng bộ đó có cả loại thiết bị, máy móc trong nước đã sản xuất được thì toàn bộ dây chuyền thiết bị, máy móc đồng bộ này không thuộc diện chịu thuế GTGT.</li> <li>▪ Miễn tiền thuê đất cả đời dự án.</li> </ul>
Tiến độ triển khai	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Ký hợp đồng EPC: 06/05/2008</li> <li>▪ Khởi công: 26/07/2008</li> <li>▪ Vận hành thử xưởng tạo hạt: 18/11/2011</li> <li>▪ Vận hành thử xưởng Amoniac: 29/12/2011</li> <li>▪ Vận hành chạy thử toàn nhà máy, ra sản phẩm chạy thử đầu tiên: 29/01/2012.</li> <li>▪ Hiện nay, dự án đã cơ bản hoàn thành và đang thực hiện các công tác kiểm tra chạy thử cuối cùng cho toàn nhà máy và đã có sản phẩm thương mại được đăng ký nhãn hiệu Đạm Cà Mau từ ngày 22/3/2012.</li> <li>▪ Dự kiến hoàn thành chạy thử để bàn giao chính thức cho chủ đầu tư vào quý 2/2012.</li> </ul>

## II. Thông tin về khía cạnh tài chính của dự án

### 1. Dữ liệu tính toán

#### Tổng mức đầu tư

Tổng mức đầu tư dự án Nhà máy đạm Cà Mau là 779,250 triệu USD.

#### Công suất hoạt động

- Năm 2012: 80% công suất thiết kế.
- Năm 2013: 95% công suất thiết kế.
- Từ năm 2014 trở đi: 100% công suất thiết kế.

#### Giá khí

- Giá khí năm 2012 là 6,43 USD/MMBTU, mỗi năm tăng 2% cho giai đoạn 2012 – 2015 theo công văn số 2732/VPCP-KTN ngày 29/4/2011 của Văn phòng Chính phủ về việc thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ về giá khí bán cho sản xuất phân đạm.
- Giai đoạn 2016 – 2032, giá khí sẽ được tạm tính mỗi năm tăng 2%.

### **Khấu hao**

Thời gian khấu hao của Nhà máy đạm Cà Mau là 20 năm cho toàn bộ nhà máy. Chi tiết như sau:

- 10 năm đầu: tỷ lệ trích khấu hao là 2,5%.
- 10 năm tiếp theo: tỷ lệ trích khấu hao là 7,5%.

### **Giá bán sản phẩm:**

Dựa theo giá ure thế giới do Fertecon dự báo quý 4/2011 và theo thống kê giá bán thực tế ure đạm Phú Mỹ, dự báo giá bán phân đạm năm 2012 là giá bán trung bình của đạm Phú Mỹ trong 2 năm 2010 – 2011 tương đương 366 USD/Tấn, các năm sau đó mỗi năm tăng 2% đến hết đời dự án.

### **Các tham số khác**

- Chi phí sản xuất chung tính trượt giá 3% mỗi năm cho đến năm 2032.
- Tỷ giá USD/VND: USD/VND = 21.000.

## **2. Kết quả tính toán:**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Kết quả</b>
IRR (dự án)	13,32%
NPV (dự án), triệu USD	252
IRR (chủ đầu tư)	18,0%
NPV (chủ đầu tư), triệu USD	58
Thời gian hoàn vốn (năm)	6,1
Thời gian hoàn vốn có chiết khấu (năm)	10,5
Doanh thu trung bình, triệu USD	356
Lợi nhuận trung bình, triệu USD	65,97
ROE	14,3%

## **III. Các lợi ích cộng hưởng khi PVFCCo mua 51% Dự án Nhà máy đạm Cà Mau**

### **Lợi thế về quy mô và thị phần**

- Nhanh chóng tăng năng lực sản xuất và cung ứng lên gấp đôi (1,6 triệu tấn ure/năm) và trở thành Nhà cung cấp và sản xuất phân Urê hàng đầu ở Việt Nam và Đông Nam Á .
- Loại bỏ được 1 đối thủ cạnh tranh trực tiếp. Nâng cao năng lực cạnh tranh của Tổng công ty đối với các sản phẩm nhập khẩu từ nước ngoài và của các doanh nghiệp sản xuất phân bón khác trong nước.
- Mở rộng thị phần.

### **Lợi thế về sản phẩm & phân phối**

- Sản phẩm: đa dạng hơn (có cả hạt trong và hạt đục).

- Tận dụng cùng một hệ thống phân phối.
- Chủ động điều tiết hàng hóa giữa các vùng miền để tối đa lợi nhuận.
- Chủ động điều tiết giữa tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.
- Linh hoạt trong xuất khẩu: cả hạt trong và hạt đục.

#### **Lợi thế về quản lý giá thành sản phẩm**

Tổng công ty có nhiều điều kiện để giảm giá thành, bởi lẽ:

- Sử dụng chung bộ máy quản lý.
- Sử dụng chung hệ thống phân phối.
- Sử dụng chung đội ngũ bảo dưỡng, chia sẻ vật tư/phụ tùng thay thế.

#### **Lợi thế về tài chính**

- Nhà máy đã hoàn thành trong thực tế và đi vào khai thác ngay, với giá trị đầu tư thấp hơn tổng mức đầu tư dự kiến ban đầu.
- Tiết kiệm chi phí cơ hội đầu tư và thời gian so với việc Tổng công ty tự triển khai đầu tư từ đầu để có được một nhà máy tương tự.
- Thu được lợi nhuận cả khâu phân phối và sản xuất đối với sản phẩm Đạm Cà Mau.

### **IV. Nguồn vốn đầu tư của PVFCCo**

#### **- Nhu cầu vốn:**

Dự kiến chi phí chuyển nhượng 51% vốn chủ sở hữu tại dự án:

$$(779 \text{ triệu USD} \times 30\% \times 51\%) \times 21.000 = \mathbf{2.503} \text{ tỷ đồng.}$$

#### **- Nguồn vốn:**

PVFCCo cân đối bằng nguồn vốn chủ sở hữu hiện có, không phát hành cổ phiếu, trái phiếu. Đồng thời sẽ đàm phán thỏa thuận với PVN để có tiến độ thanh toán phù hợp với việc thu xếp vốn.

-----

## Phần 9 - TỜ TRÌNH THÔNG QUA GIAO DỊCH HỢP ĐỒNG VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông  
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP

Căn cứ quy định tại Điều lệ Tổng công ty về quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua giao dịch có liên quan đến cổ đông lớn của Tổng công ty như sau:

1. Giao dịch: Hợp đồng mua khí nguyên liệu cho nhà máy ĐPM
2. Bên Bán: Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP (PV Gas), công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, cổ đông lớn của Tổng công ty.
3. Bên Mua: Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP.
4. Các nội dung chính của Hợp đồng:
  - 4.1. Sản lượng, đơn giá và dự toán (chưa bao gồm VAT):

TT	Năm	Sản lượng tiêu thụ dự kiến (Tr BTU)	Đơn giá (USD/tr. BTU)	Thành tiền (USD)	Thành tiền (Tỷ VNĐ)
1	2012	21.502.485,36	6,43	138.260.980,86	2.906,38
2	2013	21.502.485,36	6,56	141.056.303,96	2.965,14
3	2014	21.502.485,36	6,69	143.851.627,06	3.023,91
4	2015	21.502.485,36	6,83	146.861.975,01	3.087,19
5	<b>Tổng</b>			<b>570.030.886,89</b>	<b>11.982,62</b>

Bảng chữ: Năm trăm bảy mươi triệu, không trăm ba mươi ngàn, tám trăm tám mươi sáu Đô la Mỹ và tám mươi chín cents. Tương đương: Mười một ngàn chín trăm tám mươi hai tỷ, sáu trăm hai mươi triệu đồng.

Giá tạm tính theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) ngày 15/12/2012: 21.021 VNĐ/USD. Đồng thời sản lượng tiêu thụ khí nêu trên dự kiến cho công suất hoạt động bình thường của Nhà máy Đạm Phú Mỹ, có thể dao động tùy thuộc vào tình hình sản xuất thực tế của Nhà máy.

- Căn cứ cho giá khí nêu trên: Theo ý kiến phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 2732/VPCP-KTN ngày 29/04/2011 của Văn phòng Chính phủ về việc Giá khí bán cho sản xuất phân đạm.

- 4.2. Nguyên tắc điều chỉnh:

Giá khí sẽ được hai bên thống nhất điều chỉnh khi có các nguồn khí mới được khai thác, nhập khẩu đưa vào nguồn khí Cửu Long và/hoặc khi có quyết định thay đổi giá khí của cơ quan có thẩm quyền.

Trong trường hợp cấp khí Cửu Long theo yêu cầu của Bên Mua với áp suất lớn hơn 36 barg với tổng số giờ tăng áp lớn hơn 24/tháng thì sẽ áp dụng nguyên tắc bồi hoàn như Phụ lục 9 của Hợp đồng số 82/2010/PVGAS-KTTT/TM-PVFCCo/B1.

- 4.3. Thời hạn hợp đồng:

Hợp đồng có thời hạn trong 4 năm từ 01/01/2012-31/12/2015.



**Kiến nghị:**

Khí thiên nhiên là nguồn nguyên liệu đầu vào chính của Nhà máy đạm Phú Mỹ, hiện nay chỉ có nhà cung cấp duy nhất là PV Gas. Việc ký hợp đồng có thời gian dài là có lợi cho Tổng công ty vì có sự ổn định về nguồn nguyên liệu tối quan trọng. Khí thiên nhiên là tài nguyên quốc gia và giá khí do Thủ tướng Chính phủ quyết định. Với những điều kiện như trên, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua giao dịch mua khí giữa Tổng công ty và PV Gas với nội dung chủ yếu như trên.

Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Bùi Minh Tiến**

-----